**BÀI 1: TIỂU THUYẾT VÀ TRUYỆN NGẮN**

**( Thời gian thực hiện: 12 tiết)**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Ngày soạn:  09/9/2023 | Dạy | Ngày | 11,13,16/9/2023 |
| Tiết(TKB) | 4,1,3 |
| Lớp | 7D |

**TIẾT 4,5,6: ĐỌC HIỂU VB1: NGƯỜI ĐÀN ÔNG CÔ ĐỘC GIỮA RỪNG**

(Trích tiểu thuyết *Đất rừng phương Nam )*

**- Đoàn Giỏi -**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:**

- Nêu được ấn tượng chung về các văn bản đọc hiểu; nhận biết được một số yếu tố hình thức (bối cảnh, nhân vật, ngôi kể và sự thay đổi ngôi kể, ngôn ngữ vùng miền,…) và nội dung (đề tài, chủ đề, ý nghĩa,…) của văn bản.

- Nhận biết được từ ngữ địa phương, đặc sắc ngôn ngữ vùng miền trong các văn bản đã học.

- Viết được bài văn kể lại sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử.

- Biết trình bày ý kiến về một vấn đề trong đời sống.

**2. Về năng lực**

***\* Năng lực chung***

- Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm và trình bày sản phẩm nhóm.

- Phát triển khả năng tự chủ, tự học qua việc đọc và hoàn thiện phiếu học tập ở nhà.

- Giải quyết vấn đề và tư duy sáng tạo trong việc chủ động tạo lập văn bản.

***\* Năng lực đặc thù***

- Nêu được ấn tượng chung về văn bản “Người đàn ông cô độc giữa rừng”.

- Nhận biết được một số yếu tố hình thức (bối cảnh, nhân vật, ngôi kể và sự thay đổi ngôi kể, ngôn ngữ vùng miền, …) và nội dung (đề tài, chủ đề, ý nghĩa,…) của văn bản “Người đàn ông cô độc giữa rừng” .

- Nhận biết được từ ngữ địa phương, đặc sắc ngôn ngữ vùng miền trong các văn bản đã học được thể hiện trong văn bản “Người đàn ông cô độc giữa rừng”.

- Viết được đoạn văn khát quát giá trị nội dung và nghệ thuật của văn bản “Người đàn ông cô độc giữa rừng” .

**3. Về phẩm chất:**Có tình yêu thương con người, biết chia sẻ, cảm thông với người khác và những cảnh ngộ éo le trong cuộc sống; có tinh thần yêu nước, tự hào dân tộc và ý thức về trách nhiệm của công dân đối với đất nước.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Giáo viên**

- SGK, SGV, Thiết kế bài dạy Ngữ văn 7 Cánh diều; Phiếu học tập.

- Máy tính, máy chiếu, Tranh ảnh về nhà văn Đoàn Giỏi

**2. Học sinh**

- Chuẩn bị đầy đủ SGV Ngữ văn 7 Cánh diều tập 1, tập 2; xem trước sách, mục lục và đọc Bài mở đầu.

- Vở ghi, đồ dùng học tập (bút chì, bút màu, bút bi, bút đánh dấu, giấy nhớ, giấy A4,…).

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG:**

***a****.* ***Mục tiêu:***Tạo tâm thế, hứng thú học tập cho HS và kết nối, giới thiệu bài học.

***b. Nội dung:***GV sử dụng phương pháp trực quan và kĩ thuật dự đoán hướng dẫn HS tham gia hoạt động khởi động, kết nối bài học.

***c. Sản phẩm:***Câu trả lời của HS.

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Dự kiến SP** |
| **\* B1: GV chuyển giao nhiệm vụ:**  - Quan sát video, chú ý hình ảnh người đàn ông sau và nêu cảm nhận ban đầu của em về người đàn ông trong ảnh qua đoạn video?  - Bật video trích đoạn bộ phim “Đất rừng phương Nam”  **B2: HS thực hiện nhiệm vụ:**  **- HS** quan sát video, lắng nghe lời trong video và suy nghĩ cá nhân để trả lời câu hỏi của  **- GV** hướng dẫn HS quan sát video, có thể tạm dừng video để HS quan sát khung cảnh  **B3: HS báo cáo, thảo luận:**  **GV** chỉ định HS trả lời câu hỏi.  **HS** trả lời câu hỏi của GV.  **B4: GV kết luận, nhận định:**  - Nhận xét câu trả lời của HS cũng như ý kiến nhận xét của các em.  - Kết nối vào nội dung đọc – hiểu văn bản.  Các em thân mến! Miền Tây Nam Bộ là một trong những vùng đất đã đi vào trong rất nhiều tác phẩm văn học. Ở đó ta bắt gặp không chỉ khung cảnh thiên nhiên thơ mộng, trữ tình mang nét riêng của miền Tây Nam Bộ mà người đọc còn cảm nhận được những nét đẹp tâm hồn của con người nơi đây. Văn bản “Người đàn ông cô độc giữa rừng” trích tiểu thuyết “Đất rừng phương Nam” của nhà văn Đoàn Giỏi mà hôm nay cô và các em đi tìm hiểu sẽ cho chúng ta cảm nhận rất rõ nét đẹp đó của con người miền Tây Nam Bộ được thể hiện qua nhân vật Võ Tòng. |  |

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

***a. Mục tiêu:*** HS nhận diện được các yếu tố bối cảnh, nhân vật, ngôi kể, đặc trưng ngôn ngữ Nam Bộ, đề tài, chủ đề, ý nghĩa thông điệp của văn bản; Bước đầu hình thành cách đọc hiểu văn bản truyện.

***b. Nội dung:*** GV sử dụng PPDH theo nhóm, dạy học hợp tác, nêu vấn đề và kĩ thuật 5W1H, kĩ thuật động não, thuyết trình, đặt câu hỏi để hướng dẫnHS đọc hiểu văn bản “Người đàn ông cô độc giữa rừng”.

***c. Sản phẩm:***Câu trả lời của HS.

***d. Tổ chức thực hiện:***

**1/ Nhiệm vụ 1:Tri thức đọc hiểu**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Chia nhóm cặp đôi  - Các cặp đôi trao đổi sản phẩm đã chuẩn bị cho nhau để cùng nhau trao đổi về sơ đồ tư duy đã chuẩn bị từ ở nhà, có thể chỉnh sửa nếu cần thiết.  ? Em hiểu thế nào là truyện ngắn, tiểu thuyết? Kể tên các truyện ngắn, tiểu thuyết mà em biết.  ? Tính cách nhân vật thường được thể hiện ở những phương diện nào?  ? Bối cảnh trong truyện là gì?  ? Nêu tác dụng của việc thay đổi ngôi kể trong tác phẩm tự sự?  ? Em hiểu thế nào là ngôn ngữ vùng miền?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS quan sát phiếu học tập của bạn, cùng nhau chia sẻ, trao đổi và thống nhất ý kiến.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  - GV yêu cầu 1 vài cặp đôi báo cáo sản phẩm.  - HS đại điện cặp đôi trình bày sản phẩm. Các cặp đôi còn lại theo dõi, nhận xét và ghi chép kết quả thảo luận của các cặp đôi báo cáo.  **B4: Kết luận, nhận định**  **HS:** Những cặp đôi không báo cáo sẽ làm nhiệm vụ nhận xét, bổ sung cho cặp đôi báo cáo (nếu cần).  **GV**:  - Nhận xét thái độ làm việc và sản phẩm của các cặp đôi.  - Chốt kiến thức trên các slide và chuyển dẫn sang mục sau. | **I. Tri thức đọc hiểu**  **1. Truyện ngắn và tiểu thuyết**  **\* Truyện ngắn** là tác phẩm văn xuôi cỡnhỏ, ít nhân vật, ít sự việc phức tạp... Chi tiết và lời văn trong truyện ngắn rất cô đọng.  Ví dụ :  *-“Bức tranh của em gái tôi”* (Tạ Duy Anh)  -“*Điều không tính trước”* (Nguyễn Nhật Ánh)  -“*Chích Bông ơi”* (Cao Duy Sơn)  **\*Tiểu thuyết:** Là tác phẩm văn xuôi cỡ lớn có nội dung phong phú, cốt truyện phức tạp, phản ánh nhiều sự kiện, cảnh ngộ, miêu tả nhiều tuyến nhân vật, nhiều quan hệ chồng chéo với những diễn biến tâm lí phức tạp, đa dạng.  Ví dụ:  - *"Tắt đèn*" (Ngô Tất Tố)  - *"Đất rừng phương Nam* " (Đoàn Giỏi)  **2. Tính cách nhân vật, bối cảnh**  **\* Tính cách nhân vật:** Thường được thể hiện qua hình dáng, cử chỉ, hành động, ngôn ngữ, suy nghĩ của nhân vật; qua nhận xét của người kể chuyện và các nhân vật khác.  **\* Bối cảnh trong truyện** thường chỉ hoàn cảnh xã hội của một thời kì lịch sử nói chung (bối cảnh lịch sử); thời gian và địa điểm, quang cảnh cụ thể xảy ra câu chuyện (bối cảnh riêng);…  **3. Tác dụng của việc thay đổi ngôi kể**  - Một câu chuyện có thể linh hoạt thay đổi ngôi kể để việc kể được linh hoạt hơn…  **4. Ngôn ngữ các vùng miền**  - Tiếng Việt là ngôn ngữ quốc gia của Việt Nam, vừa có tính thống nhất cao, vừa có tính đa dạng. Tính đa dạng tiếng Việt thể hiện ở mặt ngữ âm và từ vựng:  + Về ngữ âm: một từ ngữ có thể được phát âm không giống nhau ở các vùng miền khác nhau.  + Về từ vựng: Các vùng miền khác nhau đều có từ ngữ mang tính địa phương. |

**2/ Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu chung**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | | | **Nội dung cần đạt** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Chia nhóm cặp đôi  - Các cặp đôi trao đổi sản phẩm đã chuẩn bị cho nhau để cùng nhau trao đổi về sơ đồ tư duy đã chuẩn bị từ ở nhà, có thể chỉnh sửa nếu cần thiết.    Phiếu học tập số 1  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS quan sát phiếu học tập của bạn, cùng nhau chia sẻ, trao đổi và thống nhất ý kiến.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  - GV yêu cầu 1 vài cặp đôi báo cáo sản phẩm.  - HS đại điện cặp đôi trình bày sản phẩm. Các cặp đôi còn lại theo dõi, nhận xét và ghi chép kết quả thảo luận của các cặp đôi báo cáo.  **B4: Kết luận, nhận định**  **HS:** Những cặp đôi không báo cáo sẽ làm nhiệm vụ nhận xét, bổ sung cho cặp đôi báo cáo (nếu cần).  **GV**:  - Nhận xét thái độ làm việc và sản phẩm của các cặp đôi.  - Chốt kiến thức, chuyển dẫn sang mục sau  **2. Tác phẩm**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  a. Đọc  - Hướng dẫn đọc nhanh.  + Đọc giọng to, rõ ràng và lưu loát.  + Thể hiện rõ giọng điệu và ngôi kể thứ nhất (lời kể của cậu bé An).  - Hướng dẫn cách đọc chậm (đọc theo thẻ).  + Đọc thẻ trước, viết dự đoán ra giấy.  + Đọc văn bản và đối chiếu với sản phẩm dự đoán.  - Cho học sinh thực hành đọc văn bản theo hướng dẫn.  b. Yêu cầu HS tiếp tục quan sát phiếu học tập đã chuẩn bị ở nhà và trả lời các câu hỏi còn lại:  ? Văn bản “Người đàn ông cô độc giữa rừng” viết về ai và về sự việc gì?  ? Văn bản được trích dẫn từ tác phẩm nào của nhà văn Đoàn Giỏi?  ? Văn bản thuộc thể loại gì?  ? Dựa vào tri thức Ngữ văn hãy cho biết nhân vật chính trong văn bản này là ai?  ? Văn bản sử dụng những ngôi kể nào? Nêu tác dụng của từng ngôi kể?  ? Có thể chia văn bản này ra làm mấy phần? Nêu nội dung của từng phần?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **GV:**  1. Hướng dẫn HS cách đọc và tóm tắt.  2. Theo dõi, hỗ trợ HS (nếu cần).  **HS:** 1. Đọc văn bản, các em khác theo dõi, quan sát bạn đọc.  2. Xem lại nội dung phiếu học tập đã chuẩn bị ở nhà.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  - Trả lời các câu hỏi của GV.  - HS khác nhận xét, bổ sung nếu cần  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét thái đọc tập qua sự chuẩn bị của HS bằng việc trả lời các câu hỏi.  - Chốt kiến thức, cung cấp thêm thông tin (nếu cần) và chuyển dẫn sang đề mục sau. | | | **II. Tìm hiểu chung**  **1. Tác giả**    - Đoàn Giỏi (1925 – 1989)  - Quê: Tiền Giang  - Ông nổi tiếng với tiểu thuyết "Đất rừng phương Nam" viết cho lứa tuổi thiếu nhi, được tái bản rất nhiều lần và dịch ra nhiều tiếng nước ngoài.  **2. Tác phẩm**  **\* Đọc và tóm tắt**  - Đọc  - Tóm tắt  \* **Bối cảnh**: là các tỉnh Tây Nam, vào năm 1945, sau khi thực dân Pháp trở lại xâm chiếm miền Nam.  \* **Xuất xứ**: tiểu thuyết “*Đất rừng phương Nam*”.  \* **Thể loại**: tiểu thuyết  \* **Nhân vật chính**: Võ Tòng  \* **Ngôi kể**: ngôi thứ nhất và ngôi thứ 3 (có sự chuyển đổi ngôi kể)  \* **Bố cục**: 2 phần  + Phần 1: Người đàn ông cô độc giữa rừng qua ngôi kể thứ nhất.  + Phần 2: Người đàn ông cô độc giữa rừng qua ngôi kể thứ ba. |
| **Sản phẩm tổng hợp:** | | | |
| **3/ Nhiệm vụ 3: ĐỌC & TÌM HIỂU CHI TIẾT VB** | | | |
| **Hoạt động của GV và HS** | | **Nội dung cần đạt** | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  ? Nhan đề của văn bản gợi cho em suy nghĩ gì?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS** đọc nhan đề văn bản và suy nghĩ cá nhân  **GV** hướng dẫn HS tìm hiểu bằng cách đặt các câu hỏi phụ (nếu HS không trả lời được).  ? Người đàn ông nói đến ai?  ? Cô độc là sống với những ai?  ? Giữa rừng gợi không gian ở đâu?  **B3: Báo cáo thảo luận**  **GV** yêu cầu một vài HS trình bày cảm nhận của mình về nhan đề văn bản.  **HS** trả lời câu hỏi của GV, những HS còn lại theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu cần) cho câu trả lời của bạn.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét câu trả lời và câu nhận xét của HS  - Chốt nội dung (sản phẩm).  - Chuyển dẫn sang nội dung sau. | | **III. Tìm hiểu chi tiết văn bản**  **1. Nhan đề của văn bản**  \* “**Người đàn ông cô độc giữa rừng**”:  - *Người đàn ông* -> nhân vật chính  - *Cô độc*: hoàn cảnh sống một mình.  - *Giữa rừng*: không gian sống  🡪 Gợi tả về một người đàn ông đặc biệt, gây sự chú ý và tò mò đối với độc giả. | |
| **2. Bối cảnh cuộc gặp gỡ** | | | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS đọc phần 1 văn bản “*Chắc tôi ngủ... lên nhau*” suy nghĩ cá nhân câu hỏi:  *?Tìm chi tiết nói lên bối cảnh cuộc gặp gỡ của tía con An với chú Võ Tòng.*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - Học sinh đọc văn bản tìm ý trả lời nội dung câu hỏi.  - Giáo viên quan sát, gợi ý  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - HS trả lời cá nhân câu hỏi và bổ sung cho nhau  - Giáo viên góp ý.  **Bước 4: Đánh giá, kết luận**  - Học sinh đánh giá nội dung trả lời của bản thân và bạn  - Giáo viên đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của học sinh và chuẩn kiến thức.  *=> Nổi bật lên trong khung cảnh chiều tà, cảnh vật hoang dã, heo hút, rờn rợn là hình ảnh ông Hai bán rắn (tía nuôi An), chú Võ Tòng và An – những con người chung chí hướng, lí tưởng.* | **- Thời gian:**  + Chiều tối.  + Ánh lửa bếp chiếu qua khung cửa sổ, soi rõ hình những khúc gỗ xếp thành bậc thang dài xuống bến.  **- Không gian:** hoang vắng.  +Tiếng con vượn bạc má kêu “ché… ét, ché… ét”, ngồi vắt vẻo trên một thanh xà ngang, nhe răng dọa người  + Bậc gỗ trơn tuột.  + Một cái bếp cà ràng, lửa cháy riu riu, trên cà ràng bắc một chiếc nồi đất đậy vung kín mít…  + Một làn khói hăng hắc màu xanh bay ra từ chiếc nồi dậy kín vung sôi “ùng… ục…”  *=> Nổi bật lên trong khung cảnh chiều tà, cảnh vật hoang dã, heo hút, rờn rợn .* | | |
| **3. Võ Tòng qua lời kể của ngôi kể thứ nhất** | | | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Chia nhóm lớp.  - Giao nhiệm vụ: hoàn thiện phiếu học tập số 2 bằng cách trả lời các câu hỏi 1, 2, 3.  - Thời gian: 7 phút    ***Dự kiến tình huống khó khăn***: HS gặp khó khăn trong câu hỏi số 3.  **Tháo gỡ**: (GV gợi ý HS bằng cách hướng dẫn các em đọc đoạn văn: “*có lẽ bố chúng nói đúng… bắt đầu mùa sinh nở của chúng*”).  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - Quan sát những chi tiết trong SGK (GV đã chiếu trên màn hình).  - Đọc đoạn văn: “*có lẽ bố chúng nói đúng… bắt đầu mùa sinh nở của chúng*”).  **GV** hướng dẫn HS chú ý đoạn 1 (đặc biệt là đoạn văn: “*có lẽ bố chúng nói đúng… bắt đầu mùa sinh nở của chúng*”.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  - Đại diện một nhóm trình bày sản phẩm.  - HS còn lại theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét câu trả lời của HS.  - Chốt kiến thức, bình giảng và chuyển dẫn sang mục sau. | |  |  |  | | --- | --- | --- | | **P/diện** | **Chi tiết** | **Nhận xét** | | **Nơi ở** | - Trong một túp lều ở giữa rừng.  - Giữa lều đặt cái bếp cà ràng.  - Sống cùng với con vượn bạc má. | 🡪 NT: miêu tả  🡪 Gợi một cuộc sống thiếu thốn. | | **Ngoại hình** | - Cởi trần  - Mặc chiếc quần ka ki còn mới nhưng lâu không giặt.  - Thắt xanh-tuya-rông  - Bên hông đeo lủng lẳng một lưỡi lê nằm gọn trong vỏ sắt. | 🡪 NT: Miêu tả  🡪 Gợi hình ảnh về một người đàn ông mộc mạc, giản dị. | | **Lời nói và hành động** | - *Lời nói*:  + Ngồi xuống đây, chú em!  + Nhai bậy một miếng khô nai đi, chú em...  - *Hành động*:  + Giết giặc bằng bắn tên.  + Chế thuốc độc và tẩm độc vào mũi tên để giết giặc. | 🡪 Chú Võ Tòng là người thân thiện, cởi m và dễ mến. | | * ***Võ Tòng là một người mộc mạc, giản dị, chân thành, cởi mở và yêu nước, căm thù giặc***. | | | | | |
| **4. Võ Tòng qua lời kể của ngôi thứ ba** | | | |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** | | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  1. Chỉ ra dấu hiệu chuyển đổi ngôi kể của đoạn 3?  2.Vì sao người đàn ông sống cô độc trong rừng lại có tên gọi Võ Tòng?  3. Vì sao Võ Tòng lại đến ở một mình trong khu rừng? 4. Qua lời kể của ngôi thứ ba, em có nhận xét gì về nhân vật Võ Tòng?  5. Trao đổi và chia sẻ để hoàn thiện phiếu bài tập số 3  - **Nguồn gốc tên gọi..: chi tiết?, nhận xét**  **- Lai lịch của Võ Tòng: chi tiết?, nhận xét**  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS**: đọc ngữ liệu trong SGK (đoạn 3), suy nghĩ cá nhân để trả lời câu hỏi.  **GV**:  - **Dự kiến KK**: HS khó trả lời câu hỏi số 1  - **Tháo gỡ KK**: GV nói thêm về nhân vật Võ Tòng trong truyên.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  - Đại diện 1 nhóm lên trình bày sản phẩm.  - Các nhóm khác theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét về thái độ làm việc, ý kiến nhận xét và sản phẩm của các nhóm.  - Chốt kiến thức lên màn hình, chuyển dẫn sang nội dung sau. | **a. Nguồn gốc tên gọi “*Võ Tòng*”**  - Do giết hổ chúa trong rừng.  - Trên mặt có vết sẹo bởi cái tát của con hổ chúa trước khi chết.  **b. Lai lịch của Võ Tòng.**  - Là một gã đàn ông hiền lành và vô cùng yêu vợ.  - Từng có một gia đình (vợ gã là người đàn bà xinh đẹp).  - Vì chiều vợ, đào măng cho vợ ăn khi vợ mang bầu nên bị tên địa chủ đánh vào đầu (đầu là nơi thờ phụng ông bà thì mày tới số rồi).  - Vung dao chém vào mặt tên địa chủ.  🡪 NT: kể, tả, sử dụng ngôi kể thứ ba để tạo điểm nhìn khách quan.   * ***Võ Tòng là một người đàn ông khỏe mạnh, tính tình ngay thẳng, gan dạ và rất tự trọng.*** | | |
| **Nhiệm vụ 4. Tổng kết** | | | |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** | | |
| **B1 Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Chia nhóm theo bàn.  - Giao nhiệm vụ cho các nhóm:  ? Nêu những biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong văn bản?  ? Nội dung chính của văn bản “Người đàn ông cô độc giữa rừng”?  ? Qua giờ học, em rút ra bài học gì khi khám phá một tác phẩm tự sự? Đặc biệt là khi đi tìm hiểu nhân vật?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS** làm việc cá nhân, làm việc nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.  **GV** hướng theo dõi, quan sát HS thảo luận nhóm, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **HS** báo cáo kết quả thảo luận nhóm, HS nhóm khác theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu cần).  **GV** hướng dẫn và yêu cầu HS trình bày, nhận xét, đánh giá chéo giữa các nhóm.  **B4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét thái độ và kết quả làm việc của từng nhóm.  - Nhận xét và chốt sản phẩm lên Slide | **III/ Tổng kết**  **1. Nghệ thuật**  - Đan xen và lồng ghép 2 ngôi kể (ngôi kể thứ nhất và ngôi kể thứ ba.  - Sử dụng ngôn ngữ mang đậm chất Nam Bộ.  **2. Nội dung**  - Kể về cuộc gặp gỡ của cậu bé An với chú Võ Tòng – một người đàn ông cô độc giữa rừng U Minh vùng Tây Nam Bộ. Qua đó người đọc cảm nhận được chú Võ Tòng không chỉ là người giản dị, mộc mạc, chân thành mà còn là người thẳng thắn, bộc trực, giàu lòng yêu nước, căm thù giặc. Đây cũng chính là nét đẹp của người dân miền Tây Nam Bộ thời bấy giờ.  **3. Khi phân tích nhân vật trong tác phẩm tự sự**  ***a) Về ngôi kể***  - Vai trò của từng ngôi kể đặc biệt là sự chuyển đổi ngôi kể trong tác phẩm đem đến khả năng di chuyển điểm nhìn nghệ thuật đồng thời mang đến sự linh hoạt trong lời kể.  ***b) Khi tìm hiểu về nhân vật***  Chú ý các phương diện sau:  - Ngoại hình  - Tính cách  - Ngôn ngữ (lời nói)  - Hành động  - Suy nghĩ  - Lai lịch… | | |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể

**b. Nội dung:** HS suy nghĩ cá nhân làm bài tập của GV giao

**c. Sản phẩm:** Đáp án đúng của bài tập.

**d. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** |
| **\*/ Bài 1: Làm BTTN qua trò chơi Rung chuông vàng (game mini).**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  Tổ chức học sinh tham gia trò chơi "Rung chuông vàng" tham gia trả lời gói 10 câu hỏi, mỗi câu đúng được 1 điểm.  **Cách tổ chức**: GV nêu luật chơi, đọc câu hỏi. Học sinh tham gia trả lời câu hỏi ghi đáp án – chọn chữ cái A, B, C, D  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS trả lời các câu hỏi trắc nghiệm bằng tinh thần xung phong.  **Câu 1: *Người đàn ông cô độc giữa rừng* em hiểu đó chính là nhân vật nào trong đoạn trích?**  A. Chú Võ Tòng B. Ông Hai C. Tên địa chủ D. Tên quan tây  **Câu 2: Bối cảnh của đoạn trích là gì?**  A. Tía nuôi dẫn An đi thăm chú Võ Tòng.  B. Ban đêm ở lều của chú Võ Tòng trong rừng U Minh.  C. Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp.  D. Cả hai ý B, C.  **Câu 3: Ai là nhân vật chính của văn bản?**  A. Chú Võ Tòng B. Nhân vật tôi  C. Ông Hai D. Bà Hai  **Câu 4: Nhân vật trong truyện sử dụng ngôn ngữ vùng nào?**  A. Bắc Bộ B. Nam Bộ  C. Nam Trung Bộ D. Miền núi phía bắc  **Câu 5: Người kể trong văn bản "*Người đàn ông cô độc giữa rừng*" kể chuyện theo ngôi thứ mấy?**  A. Ngôi 1 B. Ngôi 2 C. Ngôi 3 D. Ngôi 1 và ngôi 3  **Câu 6: Phong cảnh thiên nhiên mang nét đặc trưng của Nam Bộ được nói đến trong đoạn trích là gì?**  A. Đồng lúa B. Đầm sen C. Rừng đước D. Rừng tràm  **Câu 7: Thông điệp nhà văn muốn gửi đến bạn đọc qua văn bản "*Người đàn ông cô độc giữa rừng*" là gì?**  A. Người Nam Bộ sống nghèo khổ, cô đơn.  B. Người Nam Bộ hiền lành, chất phác.  C. Người Nam Bộ cương trực, thẳng thắn, gan dạ giàu tình cảm.  D. Người Nam Bộ bị bọn thực dân phong kiến áp bức đến cùng kiệt.  **Câu 8. Nhan đề văn bản "*Người đàn ông cô độc giữa rừng*" gợi cho em những suy nghĩ gì?**  A. Suy nghĩ về một người sống cô đơn nơi rừng vắng mênh mông.  B. Suy nghĩ về một người sống đơn độc giữa thiên nhiên.  C. Suy nghĩ về cuộc sống hòa mình giữa con người với thiên nhiên.  D. Suy nghĩ về ý chí nghị lực của con người.  **Câu 9. Ý nào sau đây khái quát đầy đủ nhất về nhân vật chú Võ Tòng?**  A**.** Hiền lành, thật thà, chăm chỉ.  B. Bộc trực, thẳng thắn, gan dạ, sống giàu tình cảm luôn quan tâm tới mọi người.  C. Sống nghèo khổ cô đơn, dữ dằn.  D. Sống giản dị, mộc mạc.  **Câu 10. Trong văn bản tính cách nhân vật hiện lên qua yếu tố nào?**  A. Trang phục, hình dáng, cử chỉ, ngôn ngữ.  B. Trang phục, hình dáng, ngôn ngữ, cử chỉ, suy nghĩ.  C. Hình dáng lời của người kể chuyện.  D**.** Trang phục, hình dáng, ngôn ngữ, cử chỉ, suy nghĩ, lời kể của người kể chuyện, nhận xét của nhân vật khác.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - HS tham gia chơi đọc to trước lớp đáp án mình lựa chọn.  **Bước 4:** Đánh giá - GV nhận xét  **\*/ Bài 2: Qua văn bản, em hiểu được điều gì về con người và thiên nhiên của vùng đất phương Nam? Hãy nêu một chi tiết mà em thích nhất. Lí giải vì sao?**  **Bước 1: Chuyển giao** - GV chiếu câu hỏi yêu cầu HS trả lời cá nhân.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** - Học sinh suy nghĩ trả lời cá nhân.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - Học sinh trả lời.  - Học sinh khác và giáo viên góp ý bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá, kết luận** - HS đánh giá phần trả lời của bạn. | **IV/ LUYỆN TẬP**  **Bài 1**  **Câu 1-A**  **Câu 2-D**  **Câu 3-A**  **Câu 4-B**  **Câu 5-D**  **Câu 6-D**  **Câu 7-C**  **Câu 8-A**  **Câu 9-B**  **Câu 10-D**  **Bài 2: Dự kiến sản phẩm:**  - Qua văn bản, em hiểu thêm về nét chất phác hồn nhiên của con người phương Nam và thêm yêu mến thiên nhiên hoang sơ giản dị nơi đây.  - Chi tiết mà em thích nhất là câu nói cảm ơn của ông Hai và chú Võ Tòng. Nó thể hiện được lối sống ân nghĩa giữa người với người, tất cả hướng về nghĩa lớn, quyết tâm bảo vệ mảnh đất thân yêu. |

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Củng cố và mở rộng kiến thức nội dung của bài học cho HS

**b. Nội dung:** GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.

**c. Sản phẩm:** Sản phẩm của HS sau khi đã được chỉnh sửa (nếu cần).

**d. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ -** GV nêu yêu cầu  **1/ Hãy vẽ và miêu tả bằng lời về nhân vật theo hình dung của em.**   |  |  | | --- | --- | | **Vẽ nhân vật** | **Miêu tả bằng lời** | |  |  |   2/ Hoàn thiện các nội dung của tiết học;  3/ Đọc trước theo HD của SGK bài *Buổi học cuối cùng* của Đô-đê.  **Bước 2:** **Thực hiện** - Học sinh thực hiện ở nhà.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - Học sinh báo cáo kết quả học tập vào giờ học sau.  **Bước 4: Đánh giá, kết luận**  - GV đánh giá ý thức học tập của HS trên cơ sở kết quả thực hiện nhiệm vụ. | **V/ VẬN DỤNG** |

**IV. PHỤ LỤC (Hồ sơ dạy – học)**

**\*Tóm tắt tiểu thuyết “*Đất rừng phương Nam*”**

*Đất rừng phương Nam* viết về cuộc đời của một cậu bé tên An, bối cảnh được lấy ở các tỉnh Tây Nam Bộ vào những năm 1945, sau khi thực dân Pháp quay trở lại Việt Nam. Cậu bé An thời điểm đó sống cùng với cha mẹ mình ở thành phố, sau khi thực dân Pháp đổ bộ trở lại Việt Nam và đổ quân vào khu vực Nam Bộ. Khi đó người dân bắt buộc phải chạy nạn. Cậu bé An theo cha mẹ chạy hết vùng này đến vùng khác của khu vực miền Tây Nam Bộ. Trong một lần mải chơi, giặc đánh đến và An bắt đầu lạc mất gia đình, từ đây cậu trở thành đứa trẻ lang thang. Ở khu chợ, cậu gặp được những người đầu tiên cưu mang mình. Dì Tư Béo, đưa An về làm giúp cho quán của mình và thế là từ đó, cậu có nơi nương tựa. Tại đây, An được tiếp xúc với khá nhiều người, trong đó có vợ chồng Tư Mắn là một trong những bọn Việt gian. Vào một buổi tối, An đọc được cuốn sổ của vợ chồng Tư Mắn và biết 2 bọn họ là tay sai nên An chạy trốn, rời bỏ quán dì Tư và tiếp tục chặng đường gian khổ sau này của mình.

**Phụ lục tìm hiểu chú Võ Tòng**

**Nhóm 1: Ngoại hình, trang phục**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **PD thể hiện** | **Chi tiết thể hiện** | **Nhận xét** |
| Ngoại hình, trang phục | - Cởi trần, mặc chiếc quần ka ki còn mới nhưng coi bộ lâu không giặt  - Bên hông đeo lủng lẳng một lưỡi lê nằm gọn trong vỏ sắt.  - Thắt cái xanh-tuya-rông  - Mặt.. một hàng sẹo khủng khiếp chạy từ thái dương xuống cổ  - Cái bóng lặng lẽ ngồi bên bếp  - Gã ngày càng trở nên kì hình dị tướng. | Kì dị, khác thường, dữ dằn. |

**Nhóm 2: Trình bày chi tiết thể hiện cử chỉ, hành động, lối sống**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **PD thể hiện** | **Chi tiết thể hiện** | **Nhận xét** |
| Cử chỉ, thái độ, hành động, lối sống | **- Trước kia:**  + Có vợ, hiền lành, quý vợ rất mực.  + Sống đường hoàng, chính trực: giết địa chủ, thẳng thắn thú nhận và sẵn sàng ngồi tù.  **- Khi biết vợ lấy địa chủ:**  Buồn, thất vọng nhưng có tình, có nghĩa với vợ: *Chỉ kêu trời một tiếng rồi cười nhạt bỏ làng ra đi.*  **- Từ khi bỏ đi:**  *+ Một mình bơi xuồng nát đến che lều ở giữa khu rừng đầy thú dữ.*  *+ Sống một mình giữa rừng, đấu tay đôi với hổ: Nằm ngửa cứ thế mà xóc mũi mác lên đâm thẳng một nhát vào hàm dưới con hổ chúa., hai chân gã đạp phốc lên bụng nó, không cho con ác thú kịp chụp xuống người.*  *+ Dùng dao găm và nỏ giết giặc Pháp.*  *+ Không để mắt tới người đàn bà nào nữa.*  **Trong cuộc trò chuyện với An và ông Hai:**  *+ Lấy miếng khô nai to nhất cho An nhai đỡ buồn miệng.*  *+ Sẵn sàng giúp đỡ mọi người mà không hề nghĩ đến chuyện người ta có đền đáp lại mình không.*  *+ Ngồi đó, đối diện với tía nuôi tôi, bên bếp lửa.*  *+ Rót rượu ra bát, uống một ngụm, trao bát sang cho tía nuôi tôi và nói.*  *+Chú Võ Tòng chăm chú nhìn tôi một lúc rồi cười lớn.*  *+Trao chiếc nỏ và ống tên thuốc cho tía nuôi tôi.*  *+ Vẫy vẫy tay, cười lớn một thôi dài.* | Hiền lành, chính trực, ghét cái ác.  Sống cô độc nơi rừng sâu, dũng cảm, gan dạ; có sức khỏe phi thường,  Gần gũi, thân tình, bộc trực, thẳng thắn. |

**Nhóm 3: Nêu chi tiết thể hiện ngôn ngữ của nhân vật**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **PD thể hiện** | **Chi tiết thể hiện** | **Nhận xét** |
| 3. Ngôn ngữ | - Nói với ông Hai: nghiêm túc, thẳng thắn nhưng thân mật gần gũi: xưng "tôi" gọi "anh Hai", gọi bà vợ của ông Hai là "chị Hai",  - Nói với An : Giọng trêu đùa, vui vẻ, chắc chắn.  + Gọi tôi là chú em: "*Chú em cầm hộ lọ muối chỗ vách kia đưa giùm qua chút.*  + "*Chú em nói ngẫm cũng đúng*". | Ngôn ngữ giản dị của người dân Nam Bộ. |

**Nhóm 4: Nêu chi tiết thể hiện suy nghĩ của nhân vật**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Phương diện thể hiện** | **Chi tiết thể hiện** | **Nhận xét** |
| **4. Suy nghĩ** | - Khi bàn chuyện đánh giặc:  + Biết tính kế để giết giặc *"Mình thì cần gì tới súng", "Tôi cho rằng súng dở lắm, động tới thì kêu ầm ĩ".*  + Lo nghĩ, thấu đáo: giấu không nói với má nuôi của An vì sợ má An ngăn trở công việc *"Sở dĩ tôi không dám nói với bà chị là con e bà chị ngại đến nguy hiểm, biết đâu sẽ ngăn trở công việc của chúng ta".*  - Khi biết má của An cũng rất gan dạ thì thấy có lỗi, muốn làm một bữa rượu để tạ lỗi *"Vậy thì tôi có lỗi với chị Hai quá trời, để bữa nào ta làm một bữa rượu để tôi tạ lỗi với bà chị của tôi mới được".* | Chín chắn, sâu sắc của người từng trải, hiểu biết... |

**Nhóm 5: Nêu nhận xét của người kể chuyện và lời nói của các nhân vật khác về Võ Tòng.**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Phương diện thể hiện** | **Chi tiết thể hiện** | **Nhận xét** |
| Qua nhận xét của người kể chuyện | + *Sống đơn độc đến con chó làm bạn cũng không có.*  *+ Gã trở nên một người giỏi võ từ lúc nào.*  *+ Giọng nói bỡn cợt của Võ Tòng có pha đượm một nỗi buồn chua chát, khiến tôi vừa nghe vừa nhìn bép lửa cháy riu riu mà không khỏi bùi ngùi*. | Là người sống đơn độc, chịu nhiều những buồn thương trong cuộc đời |
| Qua lời của các nhân vật khác trong truyện | *+ Ngày xưa gã là một chàng trai hiền lành.*  *+ Quý vợ rất mực.*  *+Bị địa chủ vu cho ăn trộm măng tre, một mực cãi lại tên địa chủ quyền thế.*  *+ Bị đánh ba toong lên đầu…chém trả vào mặt.*  *+ Không trốn chạy... đường hoàng xách dao đến trước nhà, bó tay chịu trói…*  *+ Tù về, vợ đã lấy lẽ địa chủ, con đã chết... gã chỉ kêu trời một tiếng rồi cười nhạt bỏ làng ra đi.*  *+ Hơn mười năm sống trơ trọi giữa rừng… không để mắt tới một người đàn bà nào nữa... càng trở nên kì hình dị tướng...*  *+ Nhưng ai cũng mến gã ở cái tính chất phác thật thà, lúc nào cũng sẵn sàng giúp đỡ mọi người mà không hề nghĩ đến chuyện người ta có đền đáp mình hay không.* | Hiền lành, bộc trực, có lòng tốt thương người. |

**\*SẢN PHẨM DỰ KIẾN viêt đoạn văn**

*Người đàn ông cô độc giữa rừn* trích tiểu thuyết “*Đất rừng phương Nam*” của Đoàn Giỏi là một đoạn trích tiêu biểu cho màu sắc thiên nhiên và con người Nam Bộ. Đặt vào bối cảnh tía nuôi dẫn An đi thăm chú Võ Tòng thông qua quan sát, cảm nhận của chú bé An về hình ảnh chú Võ Tòng trong cuộc trò chuyện với tía nuôi, nhà văn Đoàn Giỏi đã khắc họa rõ nét hình tượng con người Nam Bộ hồn hậu chất phác, thật thà. Nhà văn đã thành công trong nghệ thuật miêu tả tâm lý nhân vật, sử dụng ngôi kể linh hoạt: khi thì kể ở ngôi một theo lời kể của An, khi kể ở ngôi ba theo lời của người kể giấu mặt. Chính nhờ sự sáng tạo ấy mà câu chuyện thêm hấp dẫn, lời kể vừa khách quan vừa gần gũi với người đọc. Cùng với đó, thiên nhiên qua ngòi bút miêu tả chân thực của nhà văn cũng hiện lên xanh tươi, đậm chất sông nước miền Nam Bộ, khiến người đọc không khỏi yêu mến, nhớ nhung.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Ngày soạn:  09/9/2023 | Dạy | Ngày | 18,19/9 |
| Tiết(TKB) | 3,4,1 |
| Lớp | 7D |

**BÀI 1- TIẾT:7,8,9: VĂN BẢN: BUỔI HỌC CUỐI CÙNG**

- An-phông-xơ Đô-đê -

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:** Phát triển kĩ năng đọc:

- Nêu được ấn tựng chung về văn bản; nhận biết được một số yếu tố hình thức( bối cảnh, nhân vật, ngôi kể thứ nhất và nghệ thuật miêu tả diễn biến tâm lí nhân vật) và nội dung ( đề tài, chủ đề, ý nghĩa,..) của văn bản.

- Nêu được thông điệp mà văn bản muốn gửi gắm tới người đọc.

- Tóm tắt được văn bản một cách ngắn gọn.

- Nêu được tính cách nhân vật Phrăng thể hiện qua cử chỉ, hành động, lời thoại, trong mối quan hệ giữa các nhân vật khác và lời người kể chuyện.

**2. Năng lực**

*a.Năng lực chung:*

***-*** Năng lực tự chủ và tự học: Tìm kiếm thông tin, đọc sách giáo khoa, quan sát tranh ảnh để tìm hiểu về bài học.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thảo luận nhóm để thực hiện phiếu học tập, hợp tác giải quyết vấn đề để tìm hiểu về bài học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Năng lực trình bày và trao đổi thông tin trước lớp.

***b.*** *Năng lực đặc thù:*

- Phân tích được nhân vật thể hiện qua cử chỉ, hành động, lời thoại, trong mối quan hệ giữa các nhân vật khác và lời người kể chuyện.

**3. Phẩm chất:**

- Nuôi dưỡng tình yêu tiếng mẹ đẻ và thêm yêu đất nước mình, có ý thức tìm hiểu VH- lịch sử.

- Thích đọc sách, báo, tìm tư liệu trên mạng Internet để mở rộng hiểu biết.

**II. THIẾT BỊ VÀ HỌC LIỆU**

- Học liệu: Ngữ liệu/Sách giáo khoa, phiếu học tập.

- Thiết bị: Máy tính, máy chiếu.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

a) Mục tiêu: Tạo tâm thế và định hướng chú ý cho học sinh; tạo vấn đề vào chủ đề

b) Nội dung hoạt động: HS trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ

d) Tổ chức hoạt động:

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **ND cần đạt** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ:** Hoà bình luôn là món quà tốt đẹp mà ai cũng mong muốn.  ? Nếu trong tương lai, đất nước của em bị xâm lược thì em sẽ làm gì?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ:** Hs trả lời  **B3: Báo cáo kết quả:** HS trình bày kết quả  + Em sẽ lên tiếng để lên án các hành động xâm lược của kẻ thù.  + Em sẽ vận dụng tất cả những hiểu biết của mình trong khả năng của mình đoàn kết với các bạn còn lại cùng với toàn thể nhân dân tạo ra một sức mạnh vô địch để có thể chống lại kẻ thù.  **B4: Đánh giá nhận xét, kết nối vào bài học:**  Có lẽ tất cả chúng ta đều mong muốn rằng khi kẻ thù xâm chiếm, chúng ta sẽ mang cho mình một sức mạnh lớn lao để gánh vác và bảo vệ được cái nền độc lập của dân tộc. Tuy nhiên nền tảng cơ bản của lòng yêu nước chúng ta đều có sự hiểu biết, hiểu biết để xem mình cần phải làm gì để có thể bảo vệ cái nền hoà bình của một dân tộc, một đất nước, chúng ta sẽ làm gì tốt nhất trong các khả năng của mình. Đánh giặc thì đanh bằng cách nào, đánh ở trên những phương diện nào, không phải lúc nào cũng cầm súng đi ra trận thì mới là đánh giặc. Yêu tiếng mẹ đẻ, yêu dòng sông cũng là yêu nước, việc cầm súng đi chiến trường cũng là yêu nước, tuỳ từng lứa tuổi chúng ta có những suy nghĩ, có những sự lựa chọn có những hành động cho phù hợp.  Và câu chuyện đó các em sẽ cùng được tìm hiểu trong buổi học ngày hôm nay liên quan đến cậu bé Phrăng , cậu ấy cũng được đặt trong một bối cảnh như vậy và chúng ta đã từng dõi theo những trang văn của An-phông-xơ Đô-đê để chúng ta cùng tìm hiểu xem cậu bé Phrăng của chúng ta đã có những suy nghĩ và có những hành động như thế nào ? |  |

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC ( KHÁM PHÁ VĂN BẢN)**

1/ Đọc hiểu chung

a) Mục tiêu: học sinh nắm được những vấn đề cơ bản về tác giả, văn bản.

b) Nội dung hoạt động: Gv tổ chức cho học sinh tìm hiểu chi tiết văn bản bằng câu hỏi gợi mở, phiếu học tập.

c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập.

d) Tổ chức thực hiện:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | | | **Nội dung cần đạt** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  **- Gv chuyển giao nhiệm vụ:** Gv sử dụng kĩ thuật tia chớp kết hợp với phiếu học tập các câu hỏi gợi mở để tìm hiểu chung về văn bản  **Yêu cầu đọc:**  Xem trước , đọc lướt, đọc quét nắm thông tin.  1, Đọc liên hệ: Kết nối những gì đang đọc với những gì đã biết.  + Liên hệ với bản thân: Kết nối những gì tác giả trình bày trong văn bản với cuộc sống, suy nghĩ, tính cách…của chính bản thân.  + Liên hệ với thế giới xung quanh: kết nối những vấn đề mà văn bản nêu lên với những gì đang xảy ra trong cuộc sống…  **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1: TÌM HIỂU CHUNG**   |  |  | | --- | --- | | Văn bản: ….. | | | Tác giả |  | | Xuất xứ |  | | Thể loại |  | | Phương thức biểu đạt chính |  | | Ngôi kể, tác dụng? |  | | Nhân vật |  | | Bố cục |  | | Các sự việc chính |  |   **- Hs tiếp nhận nhiệm vụ.**  **B2: thực hiện nhiệm vụ:**  - Hs quan sách giáo khoa tìm câu trả lời.  - Dự kiến SP:  \*Tác dụng của ngôi kể: Khiến truyện trở nên gần gũi, chân thực, tin cậy. Dễ dàng diễn tả được những xác cảm, suy nghĩ( diễn biến tâm trạng) của Phrăng. Góp phần thể hiện chủ đề của văn bản. Đặc biệt, từ góc nhìn của trẻ thơ với những rung cảm mạnh mẽ và mãnh liệt trong buổi học cuối cùng, những vấn đề lớn lao nghiêm trọng của lịch sử, của dân tộc. Pháp và cả những bài học lớn hiện lên thật gần, dễ hiểu mà vô cùng sâu sắc.  **B3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**  - Hs trình bày sản phẩm cá nhân  - Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.**  - Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.  Tra từ điển và tìm hiểu trên Internet để hiểu thêm về nghãi của các từ/ cụm từ sau: Nước Phổ, buổi sáng, chủ nhật, thanh tra, tôn vinh, dằn.  **- Các sự việc:**  1, Chuyện kể về buổi học tiếng Pháp cuối cùng ở vùng An-dát qua lời kể của cậu học trò Phrăng.  2, Sáng hôm ấy, cậu bé Phrăng đến lớp hơi muộn và ngạc nhiên khi thấy lớp học có vẻ khác thường.  3, Cậu thực sự choáng váng khi nghe thầy Ha-men nói đây là buổi học tiếng Pháp cuối cùng.  4, cậu thấy tiếc nuối và ân hận vì bấy lâu nay đã bỏ phí thời gian, đã trốn học đi chơi và ngay sáng nay cậu cũng phái đấu tranh mãi mới quyết đinh đến trường.  6, Thầy Ha- men đã nói những điều sâu sắc về tiếng Pháp; đã giảng bài say sưa cho đến khi đồng hồ điểm 12 giờ.  7, Kết thúc buổi học, thầy nghẹn ngào không nói nên lười, thầy cố viết thật to lên bảng “NƯỚC PHÁP MUÔN NĂM”.  ? Nhận xét về cốt truyện?  + Số lượng sự việc ít, phù hợp với dung lượng truyện ngắn.  + Các sự việc được diễn biến theo trình tự thời gian. | | | **I, ĐỌC HIỂU CHUNG**  **1, Tác giả:** **An-phông-xơ Đô-đê (1840 – 1897)**  - Là nhà văn hiện thực lỗi lạc của nước Pháp nửa cuối thế kỉ XIX.  - Chuyên viết truyện ngắn.  - Phong cách sang tác: Nhẹ nhàng, trong sáng, diễn tả cảm động những nỗi đau và tình thương, đặc biệt là tình yêu quê hương, đất nước.  **2, Văn bản**  - Hoàn cảnh sáng tác/xuất sứ: Sau chiến tranh Pháp – Phổ 1870 – 1871.  **- Thể loại:** Truyện ngắn  Căn cứ:  + Dung lượng: Ngắn, vài ba trang.  + Không kể lại cả một hành trình dài hay cả cuộc đời của nhân vật.  + Chỉ tập trung vào một tình huống, một hoàn cảnh đặc biệt, để từ đó khắc hạo rõ nét tính cách nhân vật.  **- PTBĐ chính:** Tự sự  **- Ngôi kể:** thứ nhất người kể là cậu bé Phrăng.  **- Nhân vật:** Phrăng và thầy giáo Ha- men  - Bố cục: 3 phần  + **Phần 1**: Từ đầu-> “mà vắng mặt con”: Quang cảnh trên đường đến trường và cảnh ở trường trước buổi học qua sự quan sát của Phrăng.  + **Phần 2**: “Tôi bước qua ghế dài”-> “nhớ mãi buổi học cuối cùng này.”: Diễn biến buổi học cuối cùng và tâm trạng của mọi người.  **+ Phần 3**: Phần còn lại: Cảnh kết thúc buổi học cuối cùng.    **- Các sự việc:** |
| **2, Khám phá văn bản**  a, Mục tiêu: Hs tìm hiểu bối cảnh của câu chuyện  b) Nội dung hoạt động: Gv tổ chức cho học sinh tìm hiểu bằng câu hỏi gợi mở, phiếu học tập.  c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập.  d) Tổ chức thực hiện: | | | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ:GV nêu yêu cầu**  ? Hãy nêu bối cảnh chung và bối cảnh riêng của truyện?  **B2: thực hiện nhiệm vụ: HS** Chú ý vào văn bản.  - Hs quan sát sách giáo khoa tìm câu trả lời.  **B3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**  - Hs trình bày sản phẩm cá nhân  - Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **B4:** **Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.**  - Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức. | **II/ Tìm hiểu chi tiết văn bản**  **1, Bối cảnh**  **Bối cảnh chung:** bối cảnh từ một biến cố lịch sử: Sau cuộc chiến tranh Pháp- Phổ năm 1870- 1871, nước Pháp thua trận, hai vùng An-dat vàLo-ren giáp biên giới với Phổ bị nhập vào nước Phổ. Cho nên các trường học ở hai vùng này bị buộc học tiếng Đức.  **Bối cảnh riêng:** Buổi sáng chủ nhật, buổi học cuối cùng.  Địa điểm: Vùng An-dát, vùng nói tiếng Pháp.  *=> Truyện viết về buổi học cuối cùng bằng tiếng Pháp ở một trường làng thuộc vùng An-dát.* | | |
| ? Em hiểu nhan đề như thế nào?  + **Nhan đề “Buổi học cuối cùng”:** Đây là cụm danh từ, được kết cấu bằng từ “ buổi học” + “cuối cùng”=> từ “cuối cùng” nhấn mạnh thứ tự của buổi học, lần cuối -> tò mò cho người đọc  =>Hé mở nội dung của tác phẩm- kể về buổi học tiếng Pháp cuối cùng của người dân Pháp ở vùng An-dát. Đồng thời cũng là một lời thông báo, tuyên bố đầy xót xa, cay đắng cho người dân xứ An-dat, rằng từ bây giờ họ- những người con nước Pháp sẽ không còn được học tiếng Pháp nữa. | **2, Nhan đề** | | |
| 3/ Nhân vật Phrang  a, Mục tiêu: Hs tìm hiểu nhân vật Phrăng để thấy được là một cậu bé rất yêu thầy và yêu tiếng Pháp.  b) Nội dung hoạt động: Gv tổ chức cho học sinh tìm hiểu tri thức tiếng Việt bằng câu hỏi gợi mở, phiếu học tập.  c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập.  d) Tổ chức thực hiện: Chú ý vào suy nghĩ, cách nhìn nhận về thầy Ha-men và thái độ đối với việc học tiếng Pháp của cậu bé. | | | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV nêu yêu cầu**  ?Hãy nêu bối cảnh chung và bối cảnh riêng của truyện?  **B2: thực hiện nhiệm vụ: HS** Chú ý vào văn bản.  PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2: DIỄN BIẾN TÂM TRẠNG PH RĂNG  Tìm các chi tiết thể hiện suy nghĩ, cảm xúc của nhân vật?   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **Thời điểm** | **Trước buổi học cuối cùng** | **Trong buổi học cuối cùng** | **Kết thúc buổi học** | | **Chi tiết** |  |  |  | | **Nhận xét về cảm xúc, suy nghĩ đó?** |  |  |  |   - Hs quan sách giáo khoa tìm câu trả lời.  **B3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**  - Hs trình bày sản phẩm cá nhân  - Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.**  - Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **Thời điểm** | **Trước buổi học cuối cùng** | **Trong buổi học cuối cùng** | **Kết thúc buổi học** | | **Chi tiết** | + Định trốn học đi chơi nhưng cưỡng lại được.  + Trên đường đến trường, thấy nhiều người tập trung trước trụ sở xã.  + Khi đến lớp, thấy thầy Ha-men mặc lễ phục, không nổi giận khi cậu đến muộn, không khí buổi học yên lặng, cuối lớp có dân làng ngồi dự. | + Khi biết đây là buổi học cuối cùng bằng tiếng Pháp-> choáng váng.  + Nguyền rủa kẻ thù.  + Tự giận mình đã lười học ham chơi-> ân hận, tiếc nuối.  + Coi sách như người bạn cố tri-> đau lòng phải giã từ.  + Không thuộc bài-> xấu hổ.  + Chưa bao giờ chăm chú và thấy hiểu bài đến thế -> say sưa nghe giảng. | + Xúc động: “Ôi! Tôi sẽ nhớ mãi buổi học này.”  + Chưa bao giờ thấy thầy lớn lao đến thế. | | **Nhận xét về cảm xúc, suy nghĩ đó?** | + Chú bé hồn nhiên, ham chơi nhưng khá trung thực.  + Lo sợ, ngạc nhiên | + Biết căm thù giặc, ân hận, xấu hổ, tự trách mình.  + Hiểu được ý nghĩa thiêng liêng của việc học tiếng mẹ đẻ, chăm ch học, nuốt từng lời thầy giảng. | + Xúc động và ngưỡng mộ thầy.  + Ý thức được nỗi đau mất nước, không còn được nói tiếng của dân tộc. | | * **Là một cậu bé rất yêu thầy và yêu tiếng Pháp.** | | | | | | | **3, Nhân vật Phrăng**  **Trước buổi học cuối cùng:**  + Chú bé hồn nhiên, ham chơi nhưng khá trung thực.  + Lo sợ, ngạc nhiên  **Trong buổi học cuối cùng:**  + Biết căm thù giặc, ân hận, xấu hổ, tự trách mình.  + Hiểu được ý nghĩa thiêng liêng của việc học tiếng mẹ đẻ, chăm chú học, nuốt từng lời thầy giảng.  **Kết thúc buổi học :**  + Xúc động và ngưỡng mộ thầy.  + Ý thức được nỗi đau mất nước, không còn được nói tiếng của dân tộc.  **=> Là một cậu bé rất yêu thầy và yêu tiếng Pháp.** |
| ? Phrăng đã có sự thay đổi như thế nào? Chi tiết nào khiến cho cậu có sự thay đổi đó? Lí giải sự thay đổi ?  + Phrăng từ một cậu bé ham chơi, sợ học; lần đầu tiên nhận ra sự việc đó là đáng trách, tập trung chăm chú trong buổi học.  + Chi tiết: thầy Ha-men tuyên bố về buổi học cuối cùng: Tôi còn ngạc nhiên về tất cả những điều đó thì thầy Ha-men đã bước lên bục, rồi nói với giọng dịu dàng và trang trọng như lúc tôi mới bước vào, thầy nói với chúng tôi: Các con ơi, đây là lần cuối cùng thầy dạy các con. Lệnh từ Béc-lin( Berlin) là từ nay chỉ dạy tiếng Đức ở các trường vùng An- dát và Lo-ren… Thầy giáo mới ngày mai sẽ đến. Hôm nay là bài học Pháp văn cuối cùng của các con. Thầy mong các con hết sức chú ý.  + Vì:  Đây là buổi học cuối cùng bằng tiếng Pháp.  Tình yêu tiếng Pháp trong cậu trào dâng mạnh mẽ, cậu hiểu được vai trò của tiếng mẹ đẻ. | | |  |
| ? Tại sao nhà văn không khắc họa các chi tiết về ngoại hình nhân vật?  + Tác giả khắc hoạ thiên về suy nghĩ, diễn biến tâm trạng.  + Tác giả muốn người đọc tập trung vào mạch cảm xúc, diễn biến tâm trạng của nhân vật.  + Chính qua những biến đổi về nhận thức và tâm trạng ấy của Phrăng, chủ đề của văn bản được thể hiện một cách thấm thía nỗi đau mất nước, mất tự do, không nói được tiếng mẹ đẻ.  **\*GV phân tích:** Có lẽ đó là dụng ý của tác giả khi lựa chọn, khắc hoạ nhân vật thông qua suy nghĩ và diên biến của tâm trạng của nhân vật cũng sẽ làm cho chúng ta nhận ra suy nghĩ của cậu bé khi thấm thía và nỗi đau mất nước, mất tự do và không được học tiếng mẹ đẻ. Vậy khi ta tìm hiểu một tác phẩm tự sự ta sẽ thấy được là với mỗi một tác phẩm khác nhau, tác giả có thể lựa chọn tập trung vào hành động hay suy nghĩ, cảm xúc của nhân vật. Mỗi một sự lựa chọn như vậy chính là dụng ý nghệ thuật từ đó thể hiện sâu sắc hơn chủ đề của văn bản đó. Ví dụ chủ đề của văn bản này là “nỗi đau mất nước” thì nó sẽ thể hiện được một cách rõ ràng chân thực nhất thông qua những cái diễn biến cảm xúc và tâm trạng ở trong đầu của một cậu bé  **\*GV chuyển:** các em có biết trong hành trình thay đổi của cậu bé Phrăng, ai là người đã giúp cậu thay đổi? Đó là thầy giáo Ha-men, vậy thầy giáo Ha-men có trang phục, lời nói, thái độ, hành động, cử chỉ như thế nào, chúng ta cùng đi tìm hiểu. | | |  |
| **4, Nhân vật thầy Ha-men**  a, Mục tiêu: Hs tìm hiểu nhân vật thầy Ha-men để thấy được Thầy Ha-men là người tâm huyết, yêu nghề dạy học, trân trọng, yêu quý tiếng mẹ đẻ và là người yêu nước sâu sắc.  b) Nội dung hoạt động: Gv tổ chức hs tìm hiểu tri thức tiếng Việt bằng câu hỏi gợi mở, PHT.  c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập.  d) Tổ chức thực hiện: | | | |
| **B1: Chuyển giao:** GV yêu cầu HS hoàn thành PHT  PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3: Thầy Ha-men chủ yếu được miêu tả qua những phương diện nào?  **\*GV:** Nếu nhận vật Phrăng được miêu tả chủ yếu diễn biến qua cảm xúc, suy nghĩ thì nhân vật thầy Ha-men được thông qua các phương diện đấy chính là Lời nói, Trang phục, Thái độ, Hành động, cử chỉ   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | **Phương diện** | Lời nói | Trang phục | Thái độ | Hành động, cử chỉ | | **Chi tiết** |  |  |  |  | | **Nhận xét các phươngdiện?** |  |  |  |  | | ? Nhận xét chung về thầy Ha-men qua các phương diện? | | | | |   **B2: thực hiện nhiệm vụ:**  - Hs quan sát sách giáo khoa tìm câu trả lời.  **B3: Báo cáo** - Hs trình bày sản phẩm cá nhân  - Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | **Phương diện** | **Trang phục** | **Thái độ** | **Lời nói** | **Hành động cuối giờ học** | | **Chi tiết** | + Mặc áo Rơ-đanh-gốt.  + Đội mũ tròn lụa đen thêu. | + Lời lẽ dịu dàng, chỉ nhắc nhở chứ không trách phạt.  + Nhiệt tình, kiên nhẫn, ân cần giảng bài như muốn truyền hết hiểu biết của mình cho HS | + Đó là ngôn ngữ hay nhất thế giới, trong sáng nhất, vững vàng nhất.  + Muốn mọi người giữ lấy vì đó là chì khoá chốn lao tù. | + Người tái nhợt.  + Dựa lưng vào tường.  + Nghẹn ngào không nói hết câu.  + Dằn mạnh phấn viết dòng chữ “ NƯỚC PHÁP MUÔN NĂM” | | **Nhận xét các phương diện?** | Đẹp và trang trọng | Trang nghiêm nhưng ân cần dịu dàng, yêu thương HS. | Yêu quí trân trọng tiếng mẹ đẻ. | + Đau đớn, xót xa tột độ.  + Yêu nước thiết tha. | | => Thầy Ha-men là người tâm huyết, yêu nghề dạy học, trân trọng, yêu quý tiếng mẹ đẻ và là người yêu nước sâu sắc. | | | | |   **B4:** **Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.**  - Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.  ? Nhận xét về hình tượng thầy Ha-men được miêu tả như thế nào?  + Thầy Ha-men là người tâm huyết , yêu nghề dạy học; trân trọng, yeu quý tiếng mẹ đẻ và là người yêu nước sâu sắc.  + Thầy Ha-men được tác giả miêu tả rất sinh động và chi tiết thông qua các khái cạnh lời nói, hành động, trang phục, thái độ. | | **4, Nhân vật thầy Ha-men**  + Thầy Ha-men là người tâm huyết , yêu nghề dạy học; trân trọng, yeu quý tiếng mẹ đẻ và là người yêu nước sâu sắc.  + Thầy Ha-men được tác giả miêu tả rất sinh động và chi tiết thông qua các khái cạnh lời nói, hành động, trang phục, thái độ. | |
| ?Em hiểu và suy nghĩ như thế nào về lời nói của thầy Ha-men: “**Khi một dân tộc rơi vào vòng nô lệ, chừng nào họ vẫn giữ được tiếng nói của mình thì chẳng khác gì nắm được chìa khoá của chốn lao tù...”**  Câu nói sử dụng hình ảnh so sánh đầy thuyết phục, khẳng định sức mạnh to lớn của tiếng nói dân tộc:  + Tiếng nói không chỉ là tài sản vô cùng quý báu của dân tộc mà còn là phương tiện, là vũ khí đấu tranh với kẻ thù.  + Vì vậy, yêu quý giữ gìn tiếng nói dân tộc là thể hiện lòng yêu nước.  Theo em, điều tuyệt vời nhất mà thầy Ha-men làm được qua buổi học tiếng Pháp cuối cùng là gì?  + Với tư cách giáo viên, thầy H-men đã truyền sức mạnh cảm hoá mãnh liệt đối với học trò; giúp chúng nhận ra vai trò của ngôn ngữ, của tiếng nói dân tộc.  + Với tư cách công dân, thấy thể hiện tình yêu đất nước và dân tộc cao đẹp. | |  | |
| HĐ cá nhân - KT trình bày 1 phút: ***\* GV yêu cầu HS làm việc cá nhân thực hiện yêu cầu sau: Em hãy khái quát nghệ thuật và nội dung chính của văn bản?*** | | **III, Tổng kết**  **1, Nghệ thuật:**  + kể bằng ngôi thứ nhất.  + Miêu tả tâm lí nhân vật qua ý nghĩ, tâm trạng và ngoại hình, hành động.  + Ngôn ngữ tự nhiên, giọng kể chân thành, xúc động.  **2, Nội dung:**  + Truyện đã để lại một câu chuyện cảm động về buổi học cuối cùng bằng tiếng Pháp ở một trường làng thuộc vùng An-dát.  + Qua đó ca ngợi lòng yêu nước và tình yêu tiếng nói dân tộc. | |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

a) Mục tiêu: Học sinh vận dụng kiến thức đã học vào giải bài tập

b) Nội dung hoạt động: Trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập.

d) Tổ chức thực hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động GV và HS** | **Nội dung cần đạt** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  **- GV giao nhiệm vụ:**  **- Hs thực hiện nhiệm vụ:** Chú ý vào văn bản: từ câu chuyện của Phrăng, làm các BT trên màn hình?  **B2: thực hiện nhiệm vụ:**  - Hs quan sát sách giáo khoa tìm câu trả lời.  **B3: Báo cáo**  - Hs trình bày sản phẩm cá nhân  - Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.    **B4: Đánh giá**  - Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức. | **IV/ LUYỆN TẬP**  **Bài tập 1:** Em có suy nghĩ như thế nào từ câu chuyện của Phrăng?  A, Tuổi còn nhỏ, chẳng vội học, hãy vui chơi cho thoải mái, sau này học vẫn kịp chán.  B, Vui chơi thoải mái nhưng không sao nhãng việc học hành để sau này phải an hận và nuối tiếc  C, Học tập không chỉ lấy kiến thức cho mình để sau này có một tương lai tươi sáng hơn mà còn là trách nhiệm của người học sinh đối với gia đình và xã hội  **D, Cả B và C đều đúng.**  **Bài tập 2:** Có ý kiến cho rằng: Câu chuyện đã góp phần xây dựng, bồi dưỡng lòng yêu nước cho người đọc. Ý kiến của em như thế nào?  **Gợi ý: Đồng ý với ý kiến trên**  Câu chuyện đã góp phần nhen nhóm, bồi dưỡng, xây dựng thêm lòng yêu nước trong mỗi chúng ta. Có thể là những rung động rất nhỏ thôi, rõ rằng câu chuyện của cậu bé Phrăng và thầy Ha-men đã chạm vào trái tim người đọc và giúp chúng ta nhận ra được cái thứ ngôn ngữ hằng ngày mà chúng ta đang nói tưởng rằng nó chỉ là một thói quen nói năng bình thường thôi nhưng thật ra ngôn ngữ ấy là một tài sản vô giá, nó rất là thiêng liêng, chúng ta cần phải giữ gìn, yêu tiếng mẹ đẻ của mình, yêu ngôn ngữ dân tộc mình cũng chính là biểu hiện của tình yêu tổ quốc. Như vậy, khi văn bản này đề cập đến tình yêu tổ quốc qua một cái biểu hiện rất cơ bản “yêu tiếng mẹ đẻ”, chính chúng ta khi đọc văn bản này chúng ta cũng đã có những cái rung cảm của mình, chúng ta đã đặt vị trí của mình vào Phrăng và chúng ta nhận ra rằng tiếng nói của dân tộc, tiếng mẹ đẻ của mình lúc nào cũng thiêng liêng hơn cả và muốn thể hiện tình yêu tổ quốc. Các em có thể bắt đầu bằng cái hành động rất nhỏ đó là trân trọng và giữ gìn sự trong sáng của tiếng mẹ đẻ.  **Bài tập 3:** Trong truyện em thích nhất nhân vật hay chi tiết nào? Hãy viết đoạn văn 5-7 dòng giải thích lí do vì sao em thích?  **Gợi ý**:  Hãy chỉ ra nhân vật/ chi tiết mà em thích  Lí giải vì sao?  Ví dụ : Em thích những thanh âm ở phần cuối truyện: “ Bỗng đồng hồ nhà thờ điểm mười hai giờ, rồi đến chuông cầu nguyện buổi trưa. Cùng lúc đó, tiếng kèn của bọn lính Phổ đi tập về vang lên ngoài cửa sổ”.  Tiếng chuông cầu nguyện thể hiện cho khát vọng hoà bình và tiếng kèn của lính Phổ đi tập về là dấu hiệu của chiến tranh và chết chóc.  => Tất cả cùng hiện diện nơi này càng làm cho thầy Ha-men và lớp học xúc động khơi dậy trong họ tình yêu tổ quốc nồng nàn hơn bao giờ hết. |

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

a) Mục tiêu: Giúp HS khắc sâu kiến thức đã học.

b) Nội dung: HS vận dụng kiến thức đã học để làm bài tập.

c) Sản phẩm học tập: Đoạn văn.

d) Tổ chức thực hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **ND cần đạt** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV nêu yêu cầu**  1/ Viết đoạn văn với chủ đề:Yêu tiếng mẹ đẻ cũng là một biểu hiện của yêu nước.  2/ Hoc kĩ bài, hoàn thiện đoạn văn.  3/ Chuẩn bị bài: Thực hành TV ( ngôn ngữ vùng miền) theo các câu hỏi trong SGK để làm vào VBT.  - Hs tiếp nhận nhiệm vụ  **B2: thực hiện nhiệm vụ:**  - HS thực hiện nhiệm vụ 1 trên lớp nếu còn thời gian, nhiệm vụ 2,3 vê nhà thực hiện.  **B3: Báo cáo:**  - Hs trình bày sản phẩm cá nhân NV1, báo cáo nhiệm vụ 3 trong tiết học sau  - Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **B4:** **Đánh giá** - Gv nhận xét sự chuẩn bị của HS | **V/ VẬN DỤNG** |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Ngày soạn:  7 /9/2023 | Dạy | Ngày | 23/9/2023 |
| Tiết(TKB) | 1 |
| Lớp | 7D |

**BÀI 1- TIẾT 10**

**THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT: NGÔN NGỮ VÙNG MIỀN**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:** Bồi dưỡng kĩ năng sử dụng Tiếng Việt.

+ Nhận biết được từ ngữ địa phương, giải nghĩa, phân tích tác dụng trong các ngữ cảnh cụ thể.

+ Viết đúng và luyện phát âm đúng một số từ có các phụ âm đầu l, n, v và các tiếng chứa vần với âm cuối là n, t.

**2. Năng lực**

*a.Năng lực chung:*

***-*** Năng lực tự chủ và tự học: Tìm kiếm thông tin, đọc sách giáo khoa, quan sát tranh ảnh để tìm hiểu về bài học.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thảo luận nhóm để thực hiện phiếu học tập, hợp tác giải quyết vấn đề để tìm hiểu về bài học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Năng lực trình bày và trao đổi thông tin trước lớp.

***b.*** *Năng lực đặc thù:* Nắm được các ngôn ngữ vùng miền.

**3. Phẩm chất:**

- Tìm hiểu mở rộng hiểu biết của mình về ngôn ngữ vùng miền. Tôn trọng và tư hào về sự đa dạng ngôn ngữ vùng miền.

- Thích đọc sách, báo, tìm tư liệu trên mạng Internet để mở rộng hiểu biết.

**II. THIẾT BỊ VÀ HỌC LIỆU**

- Học liệu: Ngữ liệu/Sách giáo khoa, phiếu học tập, VBT.

- Thiết bị: Máy tính, máy chiếu.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

a) Mục tiêu: Tạo tâm thế và định hướng chú ý cho học sinh; tạo vấn đề vào chủ đề

b) Nội dung hoạt động: HS trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ

d) Tổ chức hoạt động:

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **ND cần đạt** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV nêu yêu cầu  ? Đọc các câu văn sau và cho biết đó là ngôn ngữ của vùng miền nào?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ:** - Hs quan sách giáo khoa tìm câu trả lời.  **B3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**  - Hs trình bày sản phẩm cá nhân  **B4: Đánh giá :**  - Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  - GV: Như vậy, thông qua hoạt động khởi động vừa rồi các bạn đã nhận ra rằng “Phong ba bão táp không bằng ngữ pháp Việt Nam” ngữ pháp đã khó rồi nhưng phát âm còn khó hơn nhưng mà đấy cũng chính là nét bản sắc của tiếng Việt ta. Ngày hôm nay, chúng ta sẽ được tìm về một phần hiểu hơn, biết hơn và cũng thêm trân trọng hơn sự đa dạng ngôn ngữ vùng miền của dân tộc mình, của đất nước mình |  |

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

a)Mục tiêu: học sinh nắm được những vấn đề cơ bản về ngôn ngữ vùng miền

b) Nội dung hoạt động: Gv tổ chức cho học sinh tìm hiểu chi tiết văn bản bằng câu hỏi gợi mở, phiếu học tập.

c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập.

d) Tổ chức thực hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ: -** GV giới thiệu về từ khoá ngôn ngữ:  Ngôn ngữ bao gồm nhiều mặt:  + Từ vựng( Ví dụ: từ trái nghiã, từ đồng nghĩa, từ đồng âm...  + Ngữ âm( bao gồm âm vị, ngữ âm, chữ viết, nghiên cứu âm thanh tiếng nói của con người)  + Ngữ pháp( Cấu trúc của câu văn, thành phần câu như là CN-VN  + Ngữ nghĩa( nghĩa của từ ngữ..... như nghĩa gốc, nghĩa chuyển, nghĩa đen, nghĩa bóng....hoặc hiểu từ trong các ngữ cảnh khác nhau)  Như vậy, ngôn ngữ rất đa dạng và ngày hôm nay chúng ta sẽ cùng tìm hiểu về mặt từ vựng ngữ âm của ngôn ngữ các vùng miền  **- GV yêu cầu HS làm phiếu số 1:**  **Phiếu học tập số 1:** Điền từ còn thiếu vào chỗ trống sao cho phù hợp để hoàn thiện 5 câu sau:   |  |  | | --- | --- | | **Ngôn ngữ vùng miền** | | | Sử dụng những từ ngữ địa phương trong tác phẩm văn học để :………và……… | + Phản ánh cách nói của nhân vật, người dân địa phương nhất định, tạo sắc thái thân mật, gần gũi, phù hợp với bối cảnh mà tác phẩm miêu tả. | | Một từ ngữ có thể được phát âm……….ở các vùng miền…… | + Không giống nhau  + Khác nhau | | Tính đa dạng của tiếng việt được thể hiện ở các mặt……và……... | + ngữ âm  + từ vựng | | Từ vui được phát âm ở miền Bắc, Trung là……; ở Miền Nam phát âm giống như….. | + vui  + dui | | Các vùng miền khác nhau có những từ ngữ mang tính……….. | + địa phương |   ? Dựa vào tri thức ngữ văn để Hoàn thành sơ đồ sau:  **Phiếu HT số 2: ÔN TẬP LÍ THUYẾT- Hoàn thành sơ đồ sau:**   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **Ngôn ngữ vùng miền** | | | | | **Về mặt ngữ âm** | | **Về mặt từ vựng** | | |  | VD: |  | VD: |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **Ngôn ngữ vùng miền** | | | | | **Về mặt ngữ âm** | | **Về mặt từ vựng** | | | Một từ có thể được phát âm không giống nhau ở các vùng miền khác nhau. | VD: Từ vì  +Bắc  + Trung: vì  + Nam: Dì | Các vùng miền khác nhau có những từ ngữ địa phương | Gọi cha mẹ:  - Bắc: thầy, u  - Trung: bọ, mạ  - Nam: Tía, má |   **? Lí giải tại sao có sự khác nhau về ngữ âm nhưng khi nói mọi người ở các vùng khác nhau trên đất nước Việt Nam vẫn có thể hiểu nhau?**  - Tình Thuống nhất và đa dạng của ngôn ngữ  **B2: Thực hiện nhiệm vụ:** - Hs quan sách giáo khoa tìm câu trả lời.  **B3: Báo cáo:**  - Hs trình bày sản phẩm cá nhân  - Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **B4: Đánh giá:** - Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức. | **I. Ngôn ngữ địa phương**  Ngôn ngữ bao gồm nhiều mặt:  + Từ vựng  + Ngữ âm  + Ngữ pháp  + Ngữ nghĩa |

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a) Mục tiêu: Học sinh vận dụng kiến thức đã học vào giải bài tập

b) Nội dung hoạt động: Trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm học tập: - Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập.

d) Tổ chức thực hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ:** - GV yêu cầu HS làm các bài tập vào VBT  - HS tiếp nhận nhiệm vụ  **Bài tập 1:**   |  |  | | --- | --- | | a) Tía thấy con ngủ say, tía không gọi. |  | | b) Điều đó, má nuôi tôi quả quyết... |  | | c) Chú em cầm hộ lọ muối chỗ vách kia đưa giùm qua chú! |  | | d) Bả không thua anh em ta một bước nào đâu. |  | | Các từ đó được sử dụng ở vùng miền nào và chúng có tác dụng gì trong việc phản ánh con người, sự vật? |  |   **? Em hãy tìm các từ ngữ toàn dân tương ứng với từ ngữ địa phương vừa tìm được?**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Từ ngữ địaphương** | **Vùng miền** | **Từ ngữ toàn dân tương ứng** | | tía | Nam Bộ | bố | | má | Nam Bộ | mẹ | | vách | Nam Bộ | tưởng | | giùm | Nam Bộ | giúp | | bả | Nam Bộ | bà |   **B2:** T**hực hiện nhiệm vụ:**  - Hs quan sát sách giáo khoa tìm câu trả lời.  **B3: Báo cáo** - Hs trình bày sản phẩm cá nhân  - Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  B4: **Đánh giá** - Gv nhận xét, bổ sung, chốt KT | **II. Luyện tập**  **Bài tập 1:**  a/ Tía: Từ gọi người đàn ông sinh ra, nuôi dưỡng trong tiếng Nam Bộ, đồng nghãi với bố, cha.  b/ Má: từ người con gọi người phụ nữ sinh ra, nuôi dưỡng mình, đồng nghĩa với mẹ.  c/ Giùm: nhờ người khác giúp đỡ làm một việc gì đó hoặc làm hộ việc gì cho ai đó.  d/ Bả: bà ấy, từ dùng trong nói chuyện, xưng hô để chỉ một người phụ nữ thường xuất hiện trong ngôn ngữ nói.  => Các từ đó được sử dụng ở miền Nam Bộ. Việc sử dụng các từ ngữ đó góp phần miêu tả chân thực con người, phản ánh cách nói chuyện, tính cách gần gũi, dễ mến của người dân Nam Bộ, phù hợp với bối cảnh của tác phẩm. |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ:** - GV yêu cầu HS làm các bài tập vào VBT  - HS tiếp nhận nhiệm vụ   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Câu văn** | **Giải nghĩa** | **Vùng miền, tác dụng** | | a) Ai tưởng tượng ra đầu tiên hình dáng các hòn núi nớ hẳn là mắt tiên, cha nhể? | **Nớ:** |  | | b) Đến ni thờ một ông quan đời nhà Lý đó, con ạ. |  |  | | c) Việc đời đã dớn dận, mi lại "thông minh" dớ dận nốt. |  |  |   **B2:** T**hực hiện:**- Hs quan sát SGK tìm câu trả lời.  **B3: Báo cáo** - Hs trình bày sản phẩm cá nhân  - Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **B4:** **Đánh giá** - Gv nhận xét, bổ sung, chốt KT | **Bài tập 2:**  **a/ - Nớ:** ấy, từ dùng để chỉ trỏ.  **- Nhể:** nhỉ, từ biểu thị ý khẳng định nhẹ nhàng về điều vừa mới nhận thức ra, và nêu ra để tỏ sự đồng ý với người đối thoại hoặc để tranh thủ sự đồng ý.  **b/ Ni:** này, từ dùng để xác định vị trí, thường xuất hiện trong ngôn ngữu nói.  **c/ Dớ dặn:** ngớ ngẩn  **Mi**: mày, chỉ ngôi thứ hai trong giao tiếp ngồi đối diện, trực tiếp nói chuyện, trao đổi.  + Vùng miền: Nghệ An- Hà Tĩnh.  + Tác dụng của việc sử dụng các từ trên trong đoạn trích Dọc đường xứ Nghệ. |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ:** - GV yêu cầu HS  **Vòng 1:** Viết: GV đọc những câu đố phát âm, HS ghi lại.  - Nếu bạn đọc đúng và nhanh - hãy tự thưởng cho mình 3 điểm. Đọc chuẩn nhưng với tốc độ chậm thì được cộng 2 điểm thôi. Còn nếu bạn bị vấp một lỗi thì tặng cho mình 1 điểm, 2 lỗi trở lên thì không được cộng điểm.  **Vòng 2:** Cuộc thi phát âm: Hs đọc to rõ ràng các câu đố phát âm đã được ghi ở vòng 1, kiểm tra tốc độ nói và độ chính xác.  **B2:** T**hực hiện:** - Hs quan sát SGK tìm câu trả lời.  **B3: Báo cáo** - Hs trình bày sản phẩm cá nhân  - Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **B4:** **Đánh giá** - Gv nhận xét, bổ sung, chốt KT | **Bài 3: Viết đúng và luyện phát âm**  **Câu 1:** Lính lệ leeo lên lầu lấy lưỡi lê, lấy lộn lại leo lên lấy lại.  **Câu 2:** Phụ nữ Việt Nam thường lên núi lấy lá non về làm nón.  **Câu 3:** Nói năng nên luyện luôn luôn. Lời nói lưu loát, luyện luôn lúc này, lẽ nào nao núng lung lay, lên lớp lú lẫn lại hay. |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV yêu cầu HS  H: Viết đoạn văn (khoảng 5 - 7 dòng) trình bày ý kiến của em về tác dụng của việc sử dụng các từ ngữ địa phương trong một văn bản mà em đã học hoặc đã đọc.  **B2:** T**hực hiện:** - Hs quan sát SGK tìm câu trả lời.  **B3: Báo cáo** - Hs trình bày sản phẩm cá nhân  - Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **B4:** **Đánh giá** - Gv nhận xét, bổ sung, chốt KT  **\*THAM KHẢO ĐOẠN VĂN:** Trong văn bản Người đàn ông cô độc giữa rừng, tác giả Đoàn Giỏi đã sử dụng các từ ngữ địa phương Nam Bộ rất phù hợp với nội dung được đề cập đến. Cụ thể, văn bản được trích trong tiểu thuyết Đất rừng phương Nam. Những từ ngữ Nam Bộ đã góp phần tạo nên một không gian Nam Bộ sống động, chân thật. Nói cách khác, là hình thức ngôn ngữ và nội dung được đề cập hoàn toàn phù hợp, bổ trợ cho nhau. Nếu như Đất rừng phương Nam được viết bằng từ ngữ toàn dân, chắc chắn người đọc sẽ không khỏi thắc mắc tại sao viết về phương Nam mà tác giả lại không có chút am hiểu nào về từ ngữ địa phương nơi đây. Điều đó hẳn sẽ không thể tạo được thành công cho tác phẩm Đất rừng phương Nam như nó vốn có. | **Bài tập 4:** Viết một đoạn văn (khoảng 5 - 7 dòng) trình bày ý kiến của em về tác dụng của việc sử dụng các từ ngữ địa phương trong một văn bản mà em đã học hoặc đã đọc.  \*HÌNH THỨC  + Đoạn văn  + 5- 7 dòng  + Cấu trúc: mở- thân- kết đoạn  \*NỘI DUNG  + Giải thích từ ngữ địa phương là gì?  + Nêu vai trò, tác dụng của từ ngữ địa phương làm cho văn bản chân thực, gần gũi…  + Lưu ý không nên quá lạm dụng. |

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a) Mục tiêu: Giúp HS khắc sâu kiến thức đã học.

b) Nội dung: HS vận dụng kiến thức đã học để làm bài tập.

c) Sản phẩm học tập: Từ ngữ địa phương của ba miền.

d) Tổ chức thực hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **ND cần đạt** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV nêu yêu cầu**  1/ Hãy sưu tầm những câu nói/ từ ngữ mang đậm bản sắc ngôn ngữ của từng vùng miền và cho biết vì sao ngôn ngữ 3 miền lại có sự khác nhau?  2/ Hoc kĩ bài, hoàn thiện đoạn văn.  3/ Chuẩn bị bài: Thực hành đọc hiểu ( bài búp sen Xanh) theo các câu hỏi trong SGK để làm vào VBT.  - Hs tiếp nhận nhiệm vụ  **B2: thực hiện nhiệm vụ:**  - HS thực hiện NV1 trên lớp nếu còn thời gian, NV2,3 về nhà thực hiện.  **B3: Báo cáo:**  - Hs trình bày sản phẩm cá nhân NV1, báo cáo NV3 trong tiết học sau  - Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **B4:** **Đánh giá** - Gv nhận xét sự chuẩn bị của HS | \*Ngôn ngữ 3 miền có sự khác nhau là do yếu tố địa lý:  + Ngăn cách bởi sông ngòi, núi non…  Yếu tố lịch sử và truyền miệng  + Sau một thời gian, có sự biến đổi, hình thành ngôn ngữ đặc trưng của vùng miền mình. |

\*Bảng từ ngữ 3 miền thuộc NV 1

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Phương ngữ Bắc** | **Phương ngữ Trung** | **Phương ngữ Nam** |
| Này, thế này | ni/ ri | nầy/ vầy |
|  |  |  |
| ấy, thế, thế ấy | nớ, tê/ rứa/ rứa tê | Đó/ vậy đó |
|  |  |  |
| Kia/ kìa/ đâu/ nào | Tê/ tề/ mô/ mô | Đó/ đâu/ nào |
| sao, thế nào | răng | sao |
| **Phương ngữ Bắc** | **Phương ngữ Trung** | **Phương ngữ Nam** |
| sắn | sắn | khoai mì |
| Mùi tàu | Ngò tàu | Ngò ri |
| chè | chè | Trà |
| Mì chính | Mì chính | Bột ngọt |
| Chăn | Chăn | Mền |
| Màn | Màn | Mùng |
| Tất | Tất | Vớ |
| Bát | Đại | Chén |
| Dĩa | Dĩa | Nĩa |
| Thìa | Thìa | Muỗng |
| Muôi | Môi | Vá |
| Tẩy | Tẩy | Gôm |
| Bút | Bút | Viết |
| **Phương ngữ Bắc** | **Phương ngữ Trung** | **Phương ngữ Nam** | |
| Lợn | Lợn | Heo | |
| Ngan | Ngan | Vịt xiêm | |
| Quả | Trẩy | Trái | |
| Đỗ | Đỗ | Đậu | |
| Ngô | Ngô | Bắp | |
| Dưa chuột | Dưa chuột | Dưa leo | |
| Dọc mùng | Môn ngọt | Bạc hà | |
| Dứa | Gai | Thơ/ khóm | |
| Nem rán | Ram | Chả giò | |
| Ô mai | Ô mai | Xí muội | |
| Ô | Ô/ dù | Dù | |
| Ô tô | Ô tô | Xe hơi | |
| Tàu hoả | Tàu hoả | Xe lửa | |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Ngày soạn:  09/9/2023 | Dạy | Ngày | 25/9/2023 |
| Tiết(TKB) | 3 |
| Lớp | 7D |

**BÀI 1- TIẾT 11**

**THỰC HÀNH ĐỌC HIỂU: DỌC ĐƯỜNG XỨ NGHỆ**

**( Trích Búp sen xanh- Sơn Tùng)**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức: Phát triển kĩ năng đọc**

- Biết cách nhận biết được một số yếu tố hình thức( bối cảnh, nhân vật, ngôi kể và sự thay đổi ngôi kể, ngôn ngữ vùng miền) và nội dung ( đề tài, chủ đề, ý nghiã,..) của văn bản.

- Biết cách nhận biết được thông điệp mà văn bản muốn gửi tới người đọc.

- Biết cách tóm tắt được văn bản một cách ngắn gọn.

**2. Năng lực**

*a.Năng lực chung:*

***-*** Năng lực tự chủ và tự học: Tìm kiếm thông tin, đọc sách giáo khoa, quan sát tranh ảnh để tìm hiểu về bài học.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thảo luận nhóm để thực hiện phiếu học tập, hợp tác giải quyết vấn đề để tìm hiểu về bài học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Năng lực trình bày và trao đổi thông tin trước lớp.

***b.*** *Năng lực đặc thù:*

- Biết cách nhận biết được thông điệp mà văn bản muốn gửi tới người đọc.

- Biết cách tóm tắt được văn bản một cách ngắn gọn.

**3. Phẩm chất:**

- Bồi dưỡng tình yêu đất nước và lòng tự hào dân tộc qua những trang văn.

- Thích đọc sách, báo, tìm tư liệu trên mạng Internet để mở rộng hiểu biết.

**II. THIẾT BỊ VÀ HỌC LIỆU**

- Học liệu: Ngữ liệu/Sách giáo khoa, phiếu học tập.

- Thiết bị: Máy tính, máy chiếu.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

a) Mục tiêu: Tạo tâm thế và định hướng chú ý cho học sinh; tạo vấn đề vào chủ đề

b) Nội dung hoạt động: HS trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ

d) Tổ chức hoạt động:

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **ND cần đạt** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV nêu yêu cầu  ? Cả lớp vừa hát vừa vỗ tay bài “Như có Bác Hồ trong ngày vui đại thắng”  ? Cảm xúc của em khi nghe lời bài hát?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ:** - Hs suy nghĩ trả lời.  **B3: Báo cáo:**- Hs nêu cảm nhận  **B4: Đánh giá :**  - GV kết nối vào bài học: Các em thân mến! các em đã từng biết đến chủ tịch Hồ Chí Minh là một người rất giản dị, vô cùng gần gũi giống như là một người cha già của dân tộc. Và hình ảnh của Bác hiện lên trong những lời thơ cũng rất đẹp: Bác ngồi đó chiếc áo nâu giản dị, Màu quê hương bền bỉ đậm đà”. Có khi nào chúng ta tò mò muốn biết thêm, hiểu hơn về tuổi thơ của Người, một bậc vĩ nhân có một sự nghiệp chính trị lay trời chuyển đất như thế nào. Bài học ngày hôm nay, qua những trang văn của Sơn Tùng, chúng ta sẽ cùng được tìm hiểu những câu chuyện về tuổi thơ của Bác. |  |

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THÚC MỚI

**1/ Đọc văn bản**

a/ Mục tiêu: học sinh nắm được những vấn đề cơ bản về tác giả, văn bản.

b) Nội dung hoạt động: Gv tổ chức cho học sinh tìm hiểu chi tiết văn bản bằng câu hỏi gợi mở, phiếu học tập.

c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập.

d) Tổ chức thực hiện:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  **Yêu cầu đọc:**  + Đọc đúng, ngắt nghỉ đúng  + Giọng kể tự nhiên, mộc mạc.  + Phân biệt được ngôn ngữ người kể với lời thoại của các nhân vật.  “Chiến thuật” đọc  + Thực hành đọc lướt, đọc quét để tìm hiểu mạch sự kiện lớn.  + Đọc và đặt câu hỏi để hiểu rõ các chi tiết.  + Đọc theo đăc trưng thể loại, chú ý ngôi kể, tình huống, các yếu tố khắc hoạ chân dung nhân vật.  **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1: TÌM HIỂU CHUNG**   |  |  | | --- | --- | | Văn bản: ….. | | | Tác giả |  | | Xuất xứ |  | | Thể loại |  | | PTBĐ chính |  | | Ngôi kể |  | | Nhan đề |  | | Các sự việc chính |  |   **B2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS suy nghĩ, hình thành,triển khai ý tưởng, tư duy độc lập…  - Các sự việc chính:  + Câu chuyện tình sử giữa Mị Châu- Trọng Thuỷ, đền thờ Thục Thán.  + Câu chuyện về Núi Hai Vai và Đền Quả Sơn  + Câu chuyện về đền thờ Nguyễn Du.  **B3: Báo cáo:**- GV gọi bất kì nhóm nào trình bày kết quả.  **B4: Kết luận, đánh giá:** GV đánh giá, nhận xét.  \* TỪ KHÓ: chú ý một số từ mang đậm màu sắc địa phương. | **I, ĐỌC VĂN BẢN**  **1, Tác giả:**  **+** Tên thật: Bùi Sơn Tùng (1928-2021)  + Quê quán: Nghệ An  + Là nhà văn với nhiều tác phẩm về lãnh tụ Hồ Chí Minh và các danh nhân cách mạng, danh nhân văn hóa  - Các tác phẩm tiêu biểu: *Búp sen xanh, Bên khung cửa sổ, Nhớ nguồn, Kỷ niệm tháng năm…*  **2, Văn bản**  - HCST: Viết từ năm 1948, hoàn thành năm 1980. Trích Phần 1 – Thời thơ ấu, chương 10 của tác phẩm "Búp sen xanh" - Sơn Tùng.  **- Thể loại:** Tiểu thuyết lịch sử  **- Nhan đề:** Búp sen xanh. Dọc đường xứ Nghệ (tên trích đoạn do người soạn sách đặt  **- PTBĐ chính:** Tự sự  **- Ngôi kể:** ngôi kể thứ ba  **- Các sự việc chính:**  => Mạch truyện kể theo trình tự thời gian, hành trình chuyến đi của cha con Phó bảng giúp người đọc dễ theo dõi,hình dung | |
| **II, KHÁM PHÁ VĂN BẢN**  1/ Bối cảnh, nhan đề  a, Mục tiêu: Hs tìm hiểu bối cảnh, nhan đề của câu chuyện  b) Nội dung hoạt động: Gv tổ chức cho hs tìm hiểu bằng câu hỏi gợi mở, phiếu học tập.  c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập.  d) Tổ chức thực hiện: | | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ** - GV nêu yêu cầu  ? Bối cảnh là gì?  ? Bối cảnh của văn bản **DỌC ĐƯỜNG XỨ NGHỆ là gì?**  ? Khi nghe tên gọi cuốn sách là BÚP SEN XANH, gợi ra những liên tưởng gì?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS suy nghĩ, hình thành, triển khai ý tưởng, tư duy độc lập…  **B3: Báo cáo:** - GV gọi bất kì nhóm nào trình bày kết quả.  \*/ Bối cảnh:  + Bối cảnh chỉ hoàn cảnh xã hội của một thời kì lịch sử nói chung (bối cảnh lịch sử);  + Thời gian và địa điểm, quang cảnh xảy ra câu chuyện (bối cảnh riêng)  \*/ Nhan đề:  + Hiểu nghĩa thông thường: hoa sen là loài hoa đẹp “gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn”, BÚP SEN XANH là búp sen đầu mùa cao vóng lên, như là một biểu tượng về sự thanh khiết.  + Cũng lẽ đó, búp sen xanh cũng là chi tiết NT đẹp, xuất hiện ở giữa tác phẩm; là búp sen xanh đầu mùa cao bóng lên giữa đầm mà người bạn thân đã hái tặng Bác mang theo để nhớ hương sen quê nhà khi chia tay vào Huế. Chương 2, thời niên thiếu, phần 1: “Còn đây là búp sen xanh, mình thấy nó cao vóng lên giữa đầm, mình lội ra hái đưa cho Côn mang theo để nhớ hương sen quê nhà: Nó thơm dịu hơn các búp sen loại khác”.  - Thời niên thiếu của cậu bé Côn ở làng sen- xã Kim Liên, Nam Đàn, Nghệ An: “ Đi khắp phương trời vẫn nhớ tới quê hương/ Người về đây thăm Hoàng Trù quê mẹ và làng Sen quê cha”, búp sen xanh như là ẩn dụ về tuổi thơ của hồ Chí Minh, và sức gợi về quê hương làng xóm.  ? Cái tên **DỌC ĐƯỜNG XỨ NGHỆ** gợi cho em những hình ảnh và suy nghĩ nào?  - Gợi ra những bước chân trên con đường xứ Nghệ, ba cha con đã cùng khám phá, ngắm nhìn vẻ đẹp của quê hương mình.  **B4: Kết luận, đánh giá:** GV đánh giá, nhận xét. | **II, KHÁM PHÁ VĂN BẢN**  **1, Bối cảnh**  **- Bối cảnh chung:** Hoàn cảnh xã hội của một thời kì lịch sử nói chung: Từ thời thơ ấu của chủ tich Hồ Chí Minh đến tuổi thanh niên tìm đường cứu nước. Khoảng đầu thế kỉ 20, khi xã hội Việt Nam là xã hội thực dân nửa phong kiến.  - **Bối cảnh riêng:** Thời gian và địa điểm quang cảnh xảy ra câu chuyện: Đoạn trích kể chuyện sau khi đỗ Phó bảng, ông Sắc về quê Diễn Châu, cho hai con đi theo.  **2, Nhan đề** | |
| **3, Cậu bé Côn và cụ Phó bảng**  a, Mục tiêu: học sinh tìm hiểu nhân vật cậu bé Côn và cụ Phó bảng.  b) Nội dung hoạt động: tổ chức cho HS tìm hiểu văn bản bằng câu hỏi gợi mở, phiếu học tập.  c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập.  d) Tổ chức thực hiện: | | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  + Kĩ thuật công đoạn  PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2  N1: Câu chuyện về Mị Châu – Trọng Thủy, đền thờ Thục Phán   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Cậu bé Côn | Chi tiết |  | | Nhận xét |  | | Cụ Phó bảng | Chi tiết |  | | Nhận xét |  |   **N2:**   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | Cậu bé Côn |  | về vùng Ba Hòn | đền Quả Sơn | | Chi tiết |  |  | | Nhận xét |  |  | | Cụ Phó bảng | Chi tiết |  |  | | Nhận xét |  |  |   **N3:** Câu chuyện về đền thờ Nguyễn Du.   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Cậu bé Côn | Chi tiết |  | | Nhận xét |  | | Cụ Phó bảng | Chi tiết |  | | Nhận xét |  |   **B2:** **Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS suy nghĩ, hình thành, triển khai ý tưởng, tư duy độc lập…  **B3: Báo cáo kết quả:**  N1: Câu chuyện về Mị Châu – Trọng Thủy, đền thờ Thục Phán   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Cậu bé Côn | Chi tiết | +Thành Cổ Loa ở mãi tận đâu, thưa cha?  + Người xưa có lẽ họ bịa chuyện chứ nàng MC kiếm đâu đủ lông ngỗng mà rải khắp con đường dài ấy cha.  Nhận định:  + Câu chuyện tình sử hay tuyệt.  + Vua Triệu nham hiểm.  + Trọng Thủy ngoan ngoãn.  + Vua Thục trọng chữ tín nhưng không phòng sự gian xảo; là người công tư phân minh và không chịu khuất phục kẻ thù khi đã chém đầu con và tự nhảy xuống biển.  + Nàng Mỵ Châu ruột để ngoài da. | | Nhận xét | - Qua câu hỏi và nhận định của Côn, ta thấy sự hồn nhiên, đáng yêu, và cả sự thấm thía, suy nghĩ sâu sắc, xác đáng của cậu | | Cụ Phó bảng | Chi tiết | - Nghe con hỏi về sự tích ngôi đền, cụ Phó bảng kể cho con nghe về câu chuyện truyền thuyết nổi tiếng An Dương Vương, Mỵ Châu – Trọng Thủy. | | Nhận xét | Ông cụ Phó Bảng là người am hiểu lịch sử dân tộc, có kiến thức sâu rộng. |   **NHÓM 2:** Câu chuyện về vùng Ba Hòn và đền Quả Sơn   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | Cậu bé Côn |  | về vùng Ba Hòn | đền Quả Sơn | | Chi tiết | + Côn thấy đối diện ngôi đền là dãy núi có nhiều hình nhiều vẻ, thấy hòn lèn như một con người cụt đầu đứng hiên ngang giữa đời. Cậu muốn được chỉ bảo về tên của các hòn núi kia.  + Ước vọng của nhân dân ta thật đẹp, tưởng tượng của người ta đến là tuyệt. | + Quan sát thấy ngôi đền uy nghi hơn cả đền Thục Phán An Dương Vương.  + Hỏi cha: Chắc vị thần ni có công lớn lắm cho nên mới được dân làm đền thờ nguy ngơ cha nhể? | | Nhận xét | Cậu bé có trí tưởng tượng phong phú, thích quan sát thế giới xung quanh, thích nghe những câu chuyện lịch sử và trân trọng ước mơ của ông cha mình. | Suy nghĩ ngây ngô, đúng lứa tuổi. Sau khi nghe chuyện cha kể, cậu đã nhận ra bài học lớn về tình yêu thương của những bậc đại quan sẽ giúp họ được lưu danh muôn thuở và ngược lại. thích đáng | | Cụ Phó bảng | Chi tiết | Kể sự tích núi Ba Hòn, có một vị tướng lĩnh đi đánh giặc Bắc, bị chém cụ đầu, về đến Diễn Châu, rơi đầu mà hóa thành núi Hai Vai, ngựa hóa thành núi Mã Phục, trống và cờ cũng hóa thành núi Trống Thủng, Cờ Rách. | **+** Kể chuyện về vị quan Lý Nhật Quang – người có công mở mang bờ cõi dẹp yên giặc phía tây, phía nam, truyền dạy các nghề cho người dân. | | Nhận xét | Là người hiểu biết, yêu mến những vẻ đẹp thiên nhiên và văn hóa dân tộc. | Cụ Phó Bảng có hiểu biết uyên thâm, sâu sắc, chú trọng dạy dỗ nhân cách con. |   **NHÓM 3:** Câu chuyện về đền thờ Nguyễn Du.   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Cậu bé Côn | Chi tiết | Nguyễn Du là người có tài năng để lại Truyện Kiều mà mẹ và bà đều thuộc, bao người làng ta thuộc vậy mà lại không được dân làm đền thờ?  Vậy mà có thằng ăn trộm bị đánh chết lại được lập đền thờ vì “đạo tặc tối linh tôn thần” | | Nhận xét | Quan sát và suy nghĩ sâu sắc, phát hiện ra những nghịch lí trong cuộc sống. | | Cụ Phó bảng | Chi tiết | +Giải thích cho con: Quê mình không coi trọng việc làm thơ làm văn, cho họ là kẻ «xướng ca vô loài”  + Quan Phó bảng cũng phì cười, không giải thích nổi trước câu hỏi của con. | | Nhận xét | + Lắng nghe và đối thoại với con giống như một người bạn lớn.  + Thẳng thắn thừa nhận khi mình chẳng giải thích nổi nghịch lí ở đời mà con phát hiện ra. |   **B4: Kết luận, đánh giá:** - HS, GV đánh giá, nhận xét. | **3, Cậu bé Côn và cụ Phó bảng**  - Câu chuyện về Mị Châu – Trọng Thủy, đền thờ Thục Phán  **-** Câu chuyện về vùng Ba Hòn và đền Quả Sơn | |
| **4, Nhân vật Khiêm**  a, Mục tiêu: học sinh tìm hiểu nhân vật Khiêm  b) Nội dung hoạt động: Gv tổ chức cho HS tìm hiểu văn bản bằng câu hỏi gợi mở, phiếu học tập.  c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập.  d) Tổ chức thực hiện: | | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 4:** Câu chuyện về cậu bé Khiêm ở ba mạch truyện   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Cậu bé Khiêm | Chi tiết |  | | Nhận xét |  |   **B2: Thực hiện:** - HS suy nghĩ, hình thành, triển khai ý tưởng,  **B3: Báo cáo kết quả:** - GV gọi bất kì nhóm nào trình bày kết quả.   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Cậu bé Khiêm | Chi tiết | **+** Khiêm lắc đầu giọng hơi kéo dài.  + Người đời xưa có lẽ họ bịa chuyện chứ nàng Mỵ Châu kiếm đâu cho đủ lông ngỗng mà rải khắp con đường dài ấy.  + Khiêm ngạc nhiên, thốt lên:  Ai tưởng tượng ra đầu tiên hình dánh các hòn núi nớ hẳn là mắt tiên, cha nhể?  Khiêm vẻ mặt đăm chiêu nghĩ ngợi…  + Khiêm chau da chán, nhưng đã kìm được, chỉ nói "mát" em:  Việc đời đã dớ dận, mi lại "thông minh" dớ dận nốt. | | Nhận xét | Không quan tâm đến những văn hóa, lịch sử |   B4: **Kết luận, đánh giá:**- HS, GV đánh giá, nhận xét. | | **4, Nhân vật Khiêm** |
| ? Nhận xét về tính cách của Côn, cụ Phó bảng, cậu Khiêm?  \*Côn: Thích quan sát và có lòng ham thích tìm hiểu về lịch sử dân tộc, liên tục đặt câu hỏi, lắng nghe và suy ngẫm để tìm ra cho mình những bài học giá trị  \*Cụ phó bảng  + Luôn điểm tĩnh, nhẹ nhàng, lắng nghe con một cách kiên trì đối thoại với con, dẫn dắt và dạy con qua các bài học về lịch sử, giúp con nhận ra những bài học làm người quý giá.  + Phó bảng là một người yêu nước, am hiểu lịch sử nước nhà.  Anh Khiêm  + Còn ham chơi, không thích tìm hiểu về văn hoá, lịch sử.  + Anh Khiêm giống như đa số những người lớn trong bối cảnh đó, không thích những suy nghĩ mới lạ.  ? Nhận xét về nghệ thuật xây dựng nhân vật?  **+** Nhân vật được hiện lên quan những câu nói, suy nghĩ là chủ yếu.  + Qua các chi tiết chan thực, tính cách nhân vật được hiện lên rõ nét, đầy ấn tượng với người đọc.. | |  |
| ? Qua các bước tìm hiểu trên về nội dung văn bản, em hãy chỉ ra đề tài và chủ đề của tác phẩm?  - Cuộc đời Bác Hồ  - Chủ đề  Thời thơ ấu. Ca ngợi cậu bé Con ham hiểu biết, luôn tìm hiểu về cội nguồn, lịch sử ông cha, từ đó thêm yêu mến non sông, đất nước. | | **5, Đề tài** |
| **B1: Chuyển giao:** HĐ cá nhân - KT trình bày 1 phút  ***\* GV yêu cầu HS làm việc cá nhân thực hiện yêu cầu sau: Em hãy khái quát nghệ thuật và nội dung chính của văn bản?***  **B2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS suy nghĩ, hình thành,triển khai ý tưởng, tư duy độc lập…  **1, Nghệ thuật:**  Nghệ thuật kể chuyện hấp dẫn thú vị. Qua câu chuyện, gửi gắm những bài học sâu sắc.  **2, Nội dung:**  + Câu chuyện kể về hành tinh đi qua các địa danh của ba cha con cụ Phó bảng. Qua mỗi địa danh, gắn liền với các câu chuyện, cụ Phó Bảng đã giáo dục các con những phẩm chất làm người.  + Câu chuyện cũng là lời nhắc nhở các thế hệ hôm nay cần phải nhớ về cuội nguồn dân tộc, yêu thiên núi sông quê mình và tu dưỡng phẩm chất, kế thừa truyền thống của ông cha .  **B3: Báo cáo:**- GV gọi bất kì nhóm nào trình bày kết quả.  **B4: Kết luận, đánh giá:** GV đánh giá, nhận xét. | | **III, TỔNG KẾT**  **1, Nghệ thuật:**  Nghệ thuật kể chuyện hấp dẫn thú vị.  **2, Nội dung:** |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

a) Mục tiêu: Học sinh vận dụng kiến thức đã học để làm bài tập

b) Nội dung hoạt động:

c) Sản phẩm học tập:

d) Tổ chức thực hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  ? Hãy lí giải vì sao thể loại của tác phẩm là tiểu thuyết lịch sử?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - Học sinh tiếp nhận: Nắm được yêu cầu, thực hiện nhiệm vụ thông qua nhóm.  - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần  **B3: Báo cáo kết quả:**  - Học sinh phát biểu tuỳ theo cảm nhận của từng cá nhân, của nhóm.  - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần.  **B4: Đánh giá nhận xét:**  - Học sinh nhận xét câu trả lời. | **Yếu tố lịch sử:**  + Nhân vật lịch có thật: cụ Nguyễn Sinh Sắc, cậu bé Nguyễn Sinh Côn và anh Nguyễn Sinh Khiêm.  + Sự kiện: cụ Nguyễn Sinh Sắc đỗ Phó bảng, về quê vinh quy bái tổ.  + Địa danh lịch sử: Đền thờ Thục Phán , di tích Cổ Loa, Núi Ba Hòn, Trống Thủng, Cờ Rách.  **Yếu tố tiểu thuyết- hư cấu:**  + Tác giả tái hiện lại cuộc sống cụ thể sinh động của nhân vật lịch sử qua việc tạo dựng không khí thười đại, sáng tạo thêm các chi tiết về suy nghĩ, lời nói, cảm xúc của nhân vật.  => người đọc không chỉ đọc câu chuyện lịch sử mà còn như đang sống lại thời ấu thơ của Bác. |

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a) Mục tiêu:** HS vận dụng kiến thức đã học để giải quyết một số vấn đề trong cuộc sống

**b) Nội dung:**  Trả lời câu hỏi

**c) Sản phẩm:** Bài làm của học sinh

**d) Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV nêu yêu cầu  **Câu 1:** Qua đoạn trích này và những hiểu biết về Bác Hồ, theo em những yếu tố nào đã tạo nên nhân cách sáng người và sự thông minh, ưu tú của Chủ tịch Hồ Chí Minh?  **Câu 2:** Hãy tìm hiểu về một địa danh lịch sử của quê mình, bằng cách trả lời các câu hỏi sau:  + Địa danh đó nằm ở đâu?  + Em có thể miêu tả không gian địa danh lịch sử đó như thế nào?  + Nguồn gốc lịch sử của địa danh là gì?  + Địa danh lịch sử đó có vai trò như thế nào trong cuộc sống hôm nay( với địa phương em , với đất nước em?)  **Câu 3:** Đọc và làm bài tập cho tiết ”Kể lại một sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử”  **B2: Thực hiện nhiệm vụ:**- hs thực hiện nhiệm vụ cá nhân  - GV Quan sát, theo dõi quá trình hs thực hiện, gợi ý nếu cần  **B3: Báo cáo kết quả:**  - HS phát biểu tuỳ theo cảm nhận của từng cá nhân, của nhóm.  - Giáo viên lắng nghe  **B4: Đánh giá nhận xét:**  - Học sinh nhận xét trên lớp câu 1,2 của bạn.  - GV nhận xét câu 1,2 trên lớp. Câu 3 tiết học sau | **Dự kiến:**  **Câu 1:**  - Sự giáo dục gia đình  - Sự ham hiểu biết, hay quan sát và có đầu óc phán đoán.  - Truyền thống của dân tộc đất nước.  => Lời đề từ đầy ý nghĩa của tác phẩm Búp sen xanh “ các bậc thiên tài không có sẵn, chính truyền thống gia đình, quê hương là khởi thuỷ tạo nên những tính cách đàu tiên của mỗi con người đi vào đời!” |

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Ngày soạn:  9/9/2023 | Dạy | Ngày | 25,27,30/9/2023 |
| Tiết(TKB) | 4.1.1 |
| Lớp | 7D |

**BÀI 1- TIẾT 12,13,14**

**VIẾT - KỂ LẠI MỘT SỰ VIỆC CÓ THẬT LIÊN QUAN ĐẾN NHÂN VẬT**

**HOẶC SỰ KIỆN LỊCH SỬ**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:** Phát triển kỹ năng viết:

+ Biết được đặc điểm và yêu cầu của một bài văn kể lại sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử. Biết và thực hành được quy trình viết bài theo hướng dẫn.

**2. Năng lực**

*a.Năng lực chung:*

***-*** Năng lực tự chủ và tự học: Tìm kiếm thông tin, đọc sách giáo khoa, quan sát tranh ảnh để tìm hiểu về bài học.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thảo luận nhóm để thực hiện phiếu học tập, hợp tác giải quyết vấn đề để tìm hiểu về bài học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Năng lực trình bày và trao đổi thông tin trước lớp.

***b.*** *NL đặc thù:* Viết được bài văn kể lại sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử.

**3. Phẩm chất:**

- Hiểu biết về lịch sử nước nhà, thêm yêu mến và trân trọng những anh hùng lịch sử, tự hào về các sự kiện lịch sử của dân tộc.

- Thích đọc sách, báo, tìm tư liệu trên mạng Internet để mở rộng hiểu biết.

**II. THIẾT BỊ VÀ HỌC LIỆU**

- Học liệu: Ngữ liệu/Sách giáo khoa, phiếu học tập.

- Thiết bị: Máy tính, máy chiếu.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

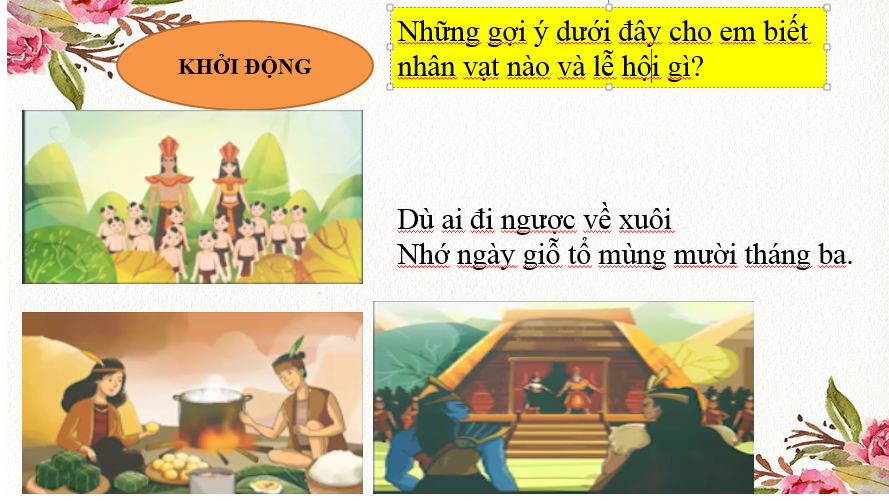
a) Mục tiêu: Tạo tâm thế và định hướng chú ý cho học sinh; tạo vấn đề vào chủ đề

b) Nội dung hoạt động: HS trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ

d) Tổ chức hoạt động:

**B1; Chuyển giao nhiệm vụ:**



**B2: Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:** - Hs quan sách giáo khoa tìm câu trả lời.

**B3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**

- Hs trình bày sản phẩm cá nhân

**Dự kiến:**

**+ Truyền thuyết “ Con rồng cháu tiên”**

**+ Nhân vật Lang Liêu trong truyền thuyết “ Bánh chưng- bánh giày”**

**+ Truyền thuyết “ Sơn Tinh, Thuỷ Tinh”**

**B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, kết nối vào bài học:**

- Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

- GV kêt nối: Cả ba câu chuyện, cả ba sự kiện đều liên quan đến triều đại của các vua Hùng. Vậy khi nhắc đến triều đại các Vua Hùng chúng ta không thể không nhắc đến câu ca dao

“Dù ai đi ngược về xuôi/ Nhớ ngày giỗ tổ mùng mười tháng ba.”

Có thể nói lễ giỗ tổ Hùng Vương là một trong những lễ hội rất quan trọng của cả nước mang tầm vóc quốc gia. Ở lễ hội đó, người dân cả nước có dịp tưởng nhớ biết ơn và ghi nhớ công lao của các vị vua Hùng đã có công dựng nước. Họ là những người đầu tiên đã có công xây dựng, bảo vệ, gìn giữ non sông, gấm vóc, để non sông ta, gấm vóc ta rực rỡ ngàn hoa và bài học ngày hôm nay của chúng ta sẽ rất thú vị, đó là: Viết bài văn kể lại sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử.

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIÊN THỨC MỚI**

1/ Định hướng

a) Mục tiêu: học sinh nắm được mộ số định hướng.

b) Nội dung hoạt động: Gv tổ chức cho học sinh trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời của học sinh

d) Tổ chức thực hiện:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | | **Nội dung cần đạt** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  ? Theo em, Sự việc có thật là gì. ?  - Hs tiếp nhận nhiệm vụ.  **B2: Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**  - Hs quan sách giáo khoa tìm câu trả lời.  **B3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**  - Hs trình bày sản phẩm cá nhân  - Gv quan sát lắng nghe  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.**  - Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.  - Sự việc đã xảy ra trong đời thực, không hư cấu, tưởng tượng. Được nhiều người biết hoặc chứng kiến, có sử sách ghi lại. Nội dung bài học: viết bài văn kể về các sự việc có liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử đã xảy ra trong đời thực, được ghi chép trong sử sách được nhiều người biết chứng kiến  - Sưu tầm các câu chuyện lịch sử:  Những anh hùng dân tộc từ xưa đến nay.  Những tấm gương về lòng yêu nước, lòng dũng cảm trong các cuộc kháng chiến chống ngoại xâm.  Chuyện về cuộc đời Hồ Chí Minh và các chiến sĩ cách mạng, các nhà hoạt động xã hội nổi tiếng.  Những hoạt động sáng tạo trong nhiều lĩnh vực cuộc sống | | **1, Định hướng**  a/Giải mã yêu cầu của đề bài |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  Mỗi bài văn kể về sự việc có thật liên quan đến nhân vật / sự kiện lịch sử cần đắp ứng những yêu cầu nào?  PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1: Yêu cầu bài văn kể về sự việc có thật liên quan đến nhân vật / sự kiện lịch sử.   |  |  | | --- | --- | | 1, Đặc điểm của sự việc. |  | | 2, Thông tin được kể. |  | | 3, Ngôi kể. |  | | 4, Phương thức biểu đạt. |  | | 5, Bố cục |  |   - Hs tiếp nhận nhiệm vụ.  **B2: Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**  - Hs quan sách giáo khoa tìm câu trả lời.  **B3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**  - Hs trình bày sản phẩm cá nhân. Gv quan sát lắng nghe  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.**  - Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. | | **b)Yêu cầu** |
| |  |  | | --- | --- | | 1, Đặc điểm của sự việc. | + Sự việc có thật trong đời thực phải được ghi chép trong sử sách hay được nhiều người biết tới, chứng kiến.  + Sự việc ấy phải có liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử. | | 2, Thông tin được kể. | + Có độ chính xác, tin cậy.  + Lựa chọn các sự kiện, chi tiết quan trọng, hãy để bài kể lôi cuốn, hấp dẫn. | | 3, Ngôi kể. | Ngôi thứ nhất hoặc ngôi thứ ba | | 4, Phương thức biểu đạt. | + Tự sự kể chuyện là chủ yếu.  + Kết hợp thêm yếu tố miêu tả để lời văn thêm sinh động, chân dung nhân vật hay sự kiện được kể trở nên chân thực hơn.  + Kết hợp thêm yếu tố biểu cảm( niềm tự hào, xúc động), đặc biệt khi lựa chọn ngôi kể thứ nhất. | | 5, Bố cục | Ba phần:  + Mở bài: giới thiệu sự việc.  + Thân bài: kể theo trình tự thời gian không gian; nguyên nhân diễn biến kết quả.  + Kết bài: ý nghĩa của sự việc mà em kể. | | | |
| **Lưu ý:** đây cũng chính là cơ sở để khi lập dàn ý, khi viết bài, các em đối chiếu lại với yêu cầu, từ đó dễ dàng đánh giá được khả năng đáp ứng các tiêu chí của bài viết. |  | |
| |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **B1: Chuyển giao nhiệm vụ:** Hs đọc văn bản mẫu  PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2: Tìm hiểu văn bản mẫu.   |  |  | | --- | --- | | 1, Văn bản kể lại sự việc gì? Người kể là? Sử dụng ngôi kể nào? |  | | 2, Sự việc ấy liên quan đến nhân vật hay sự kiện lịch sử nào? |  | | 3, Những câu văn nào thể hiện sự kiện thể hiện sự kết hợp yếu tố miêu tả với tự sự? |  | | 4, Bố cục |  |   - Hs tiếp nhận nhiệm vụ.  **B2: Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**  - Hs quan sách giáo khoa tìm câu trả lời.  **B3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**  - Hs trình bày sản phẩm cá nhân. Gv quan sát lắng nghe  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.**  - Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. | | **c)Tìm hiểu văn bản tham khảo.**  **Nhạc sĩ Văn Cao sáng tác Tiến quân ca.** | |
| |  |  | | --- | --- | | 1, Văn bản kể lại sự việc gì? Người kể là? Sử dụng ngôi kể nào? | Văn bản kể lại sự việc nhạc sĩ Văn Cao sáng tác bài hát Tiến quân ca và được cộng đồng đón nhận. Người kể là Ngọc An, sử dụng ngôi kể thứ ba. | | 2, Sự việc ấy liên quan đến nhân vật hay sự kiện LS nào? | Nhân vật: nhạc sĩ Văn cao. Sự kiện lịch sử: kháng Nhật, cuộc mít tinh của công chức Hà Nội, cuộc mít tinh vào 19/8. | | 3, Những câu văn nào thể hiện sự kiện thể hiện sự kết hợp yếu tố miêu tả với tự sự? | Lúc đó, ông rất háo hức muốn được nhận một khẩu súng và được tham gia vào đội vũ trang. Nhưng với tất cả lòng nhiệt huyết của chàng trai trẻ yêu nước, trên căn gác nhỏ ở phố Nguyễn Thượng Hiền- Hà Nội, Văn Cao thấy mình như đang “sống ở một khu rừng nào đó trên kia, trên Việt Bắc”, ông đã viết lên những giai điệu và ca từ của Tiến quân ca.  Bài hát Tiến quân ca đã nổ như một trái bom. Nước mắt tôi trào ra. Xung quanh tôi, hàng ngàn giọng hát cất vang lên theo những đoạn sôi nổi. Anh là người đã buông lá cờ đỏ sao vàng trên kia và xuống cướp loa phóng thanh hát. | | 4, Bố cục | **Mở bài:** Từ đầu đến....” tưởng sống”: Giới thiệu sự việc được kể.  **Thân bài:** Tiếp theo đến “cách mạng”: Kể và tả lại không khí ra đời bài hát tiến quân ca. Sự tác động mạnh mẽ của bài hát tưởng mọi người và cách mạng.  + Hoàn cảnh diễn ra sự việc: Văn Cao gặp gỡ một người bạn và tìm thấy con đường cách mạng., Cùng lúc đó, cách mạng ta cần một bài hát cũ của quân đội.  + Tác giả kể lại kỉ niệm ra đời bài hát.  + Sự tác động mạnh mẽ của bài hát tới mọi người và cách mạng  **Kết bài:** Còn lại: Ý nghĩa của bài hát: đánh dấu mốc buổi bình minh mới của dân tộc. | | | |
| **? Khi biết kiểu bài văn này, em cần lưu ý điều gì?** | **d) Lưu ý**  + Xác định sự việc được kể.  + Xác định ngôi kể của nhân vật.  + Tìm ý và lập dàn ý.  + Sử dụng yếu tố miêu tả, biểu cảm khi kể. | |
| 2/ Thực hành  a) Mục tiêu: học sinh thực hành .  b) Nội dung hoạt động: Gv tổ chức cho học sinh trả lời câu hỏi.  c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời của học sinh  d) Tổ chức thực hiện: | | |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** | |
| **Bước 1 : Chuẩn bị.**  Xem lại cách viết bài văn kể chuyện; chú ý tới yếu tố thời gian, địa điểm, nhân vật, sự việc, tình tiết, cốt truyện và ngôi kể.  Đề 1: đọc kỹ một câu chuyện mà bạn đã sưu tầm  Đề 2: đọc kỹ văn bản Tiến quân ca.  Xác định ngôi kể, trình tự kể; ghi chép lại các chi tiết, sự việc, lời nói của các nhân vật. | **2, Thực hành**  Đề 1: Em đã học và đọc nhiều câu chuyện lịch sử, hãy viết bài văn kể lại sự việc liên quan đến một nhân vật hoặc sự kiện lịch sử mà em yêu thích.  Đề 2: Dựa vào văn bản ở mục “định hướng”, em hãy đóng vai nhạc sĩ Văn Cao, viết bài văn kể lại sự ra đời của bài hát “Tiến quân ca”. | |
| **Bước 2: Tìm ý và lập dàn ý**  **Tìm ý- Đề số 2:**   |  |  | | --- | --- | | Ai là người kể chuyện? |  | | Câu chuyện trên xe khi nào, ở đâu? |  | | Trong câu chuyện có những nhân vật nào? |  | | Những sự kiện nào liên quan? |  | | Người kể chuyện có những suy nghĩ gì về sự kiện? |  | |  | |
| |  |  | | --- | --- | | Ai là người kể chuyện? | Văn cao, ngôi thứ nhất. | | Câu chuyện trên xe khi nào, ở đâu? | Vào năm 1945 ở thủ đô Hà Nội. | | Trong câu chuyện có những nhân vật nào? | Văn cao.  Các công chức, hàng ngàn người và thiếu nhi Hà Nội. | | Những sự kiện nào liên quan? | Ngày 17 -8-1945 cuộc mít tinh của công chức Hà Nội diễn ra.  Cuộc mít tinh 19/8, hàng ngàn người và các em thiếu nhi cùng hát “Tiến quân ca”. | | Người kể chuyện có những suy nghĩ gì về sự kiện? | Vui sướng và hạnh phúc.  Tự hào về ca khúc mình viết, về chiến thắng của dân tộc mình. | | | |
| **Lập dàn ý**   |  |  | | --- | --- | | **Mở bài** | Nêu lý do kể chuyện.  Nêu sự việc có thật liên quan đến các nhân vật, sự kiện lịch sử. | | **Thân bài** | Quá trình sáng tác bài hát:  Trước khi sáng tác: chán nản=> tìm đến con đường cách mạng=> muốn ra chiến trường=> nhưng tôi cần viết một bài hát cục quân đội cách mạng.  Khi viết bài Tiến quân ca: chưa có traỉ nghiệm, chưa có chiến trường; tôi viết bằng lòng yêu Tổ quốc đang sục sôi trong tim mình.  Sau khi bài Tiến quân ca ra đời:   * Cất lên lần đầu 17/8 /1945. Những kỷ niệm của ngày hôm đó. * Lần thứ hai bài hát vang lên vào 19/8 1945. Những kỷ niệm của lần này | | **Kết bài** | Vai trò của bái hát Quốc ca Việt Nam.  Trở thành niềm tự hào của tôi. | |  | |
| **Bước 3: Viết ( bám sát dàn ý để viết)**  **Bước 4: Kiểm tra và chỉnh sửa** |  | |
| |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Đối tượng đánh giá** | **Đạt** | **Chưa/ đạt** | | 1, Mở bài nêu được sự việc có thật liên quan đến nhân vật sự kiện lịch sử. |  |  | | 2, Ngôi kể phù hợp, thống nhất trong toàn bài. |  |  | | 3, Thuật lại diễn biến sự việc theo trình tự hợp lý, tách các đoạn rõ ràng. |  |  | | 4, Cho thấy mối liên hệ giữa sự việc có thật với nhân vật/ sự kiện lịch sử. |  |  | | 5, Có sử dụng các yêu tố miêu tả, biểu cảm hợp lý( nhân vật, cảnh quan, không gian cảm xúc của người viết)  6, Thông tin chính xác tin cậy. |  |  | | 7, Bài kết bài nêu được ý nghĩa của sự việc được kể. |  |  | | | |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

a) Mục tiêu: Học sinh vận dụng kiến thức đã học vào giải bài tập

b) Nội dung hoạt động: Trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm học tập: - Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập.

d) Tổ chức thực hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ:** Theo em, khi viết bài cần chú ý những lỗi thường gặp nào?  - Hs tiếp nhận nhiệm vụ:  **B2:** **Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**  - Hs quan sát sách giáo khoa tìm câu trả lời.  **\* Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**  - Hs trình bày sản phẩm cá nhân. - Gv quan sát, lắng nghe.  **B4:** **Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.**  - Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.  => Trước khi viết cần tìm hiểu kỹ sự việc được kể và lập dàn ý cẩn thận; khi viết bám sát dàn ý và yêu cầu bài viết. | **II, LUYỆN TẬP**  Theo em, khi viết bài cần chú ý những lỗi thường gặp nào?  + **Lỗi hình thức**: diễn đạt lủng củng, sai lỗi chính tả, lập từ, dùng từ chưa hợp lý.  + **Lỗi nội dung**: thiếu ý  Ý lộn xộn/ Lạc ý/ Ý Tản mạn  + Sửa lỗi.  Đọc lại bài trước khi nộp; xóa các lỗi chính tả, dùng từ. |

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

a) Mục tiêu: Giúp HS khắc sâu kiến thức đã học.

b) Nội dung: HS vận dụng kiến thức đã học để làm bài tập.

c) Sản phẩm học tập: sơ đồ tư duy

d) Tổ chức thực hiện:

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV nêu yêu cầu**

**1/** Em hãy vẽ sơ đồ tư duy, thể hiện dàn ý cơ bản cho một bài viết kể về sự việc có thật liên quan đến sự kiện hoặc nhân vật lịch sử?

2/ Hoc kĩ bài, hoàn thiện bài tập

3/ Đọc kĩ bài nói và nghe, chuẩn bị vào VBT

- Hs thực hiện nhiệm vụ:

**B2: thực hiện nhiệm vụ:** - Hs quan sát sách giáo khoa tìm câu trả lời.

**B3: Báo cáo:** - Hs trình bày sản phẩm cá nhân. - Gv quan sát, lắng nghe.

**B4: Đánh giá.** - Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Ngày soạn:  9/9/2023 | Dạy | Ngày | 2/10/2023 |
| Tiết(TKB) | 3,4 |
| Lớp | 7D |

**BÀI 1- TIẾT 15,16:**

**NÓI VÀ NGHE: TRÌNH BÀY Ý KIẾN VỀ MỘT VẤN ĐỀ TRONG ĐỜI SỐNG**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức: Biết phát triển kỹ năng nói và nghe:**

+ Biết lập ý và trình bày một vấn đề bằng lời văn nói của bản thân.

+ Biết kết hợp ngôn ngữ nói với điệu bộ, cử chỉ, nét mặt mẫu đơn ngôn ngữ hình thể đóng đơn.

+ Biết lắng nghe và hiểu được những thông tin bài nói của bạn, có thể đưa ra những nhận xét và góp ý cho bạn.

**2. Năng lực**

*a.Năng lực chung:*

***-*** Năng lực tự chủ và tự học: Tìm kiếm thông tin, đọc sách giáo khoa, quan sát tranh ảnh để tìm hiểu về bài học.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thảo luận nhóm để thực hiện phiếu học tập, hợp tác giải quyết vấn đề để tìm hiểu về bài học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Năng lực trình bày và trao đổi thông tin trước lớp.

***b.*** *Năng lực đặc thù:* Biết trình bày ý kiến về một vấn đề trong đời sống.

**3. Phẩm chất:**

- Học sinh có ý thức vận dụng bài học vào các tình huống, hoàn cảnh thực tế đời sống của bản thân phải nỗ lực sáng tạo những điều mới mẻ trong dấu ấn cá nhân.

- Thích đọc sách, báo, tìm tư liệu trên mạng Internet để mở rộng hiểu biết.

**II. THIẾT BỊ VÀ HỌC LIỆU**

- Học liệu: Ngữ liệu/Sách giáo khoa, phiếu học tập.

- Thiết bị: Máy tính, máy chiếu.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

a) Mục tiêu: Tạo tâm thế và định hướng chú ý cho học sinh; tạo vấn đề vào chủ đề

b) Nội dung hoạt động: HS trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ

d) Tổ chức hoạt động:

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ:** Cùng với kĩ năng viết thì nói là một kĩ năng vô cùng quan trọng của học sinh thế kỉ 21. Không chỉ là những nhà ngoại giao, hay những người làm công việc khác thì kĩ năng nói sẽ giúp chúng ta dễ dàng giao tiếp, kết nối với những người xung quanh, nhiều khi trong cuộc sống của mình, mình bị thôi thúc, rất là mạnh mẽ, mình muốn bày tỏ quan điểm của mình phát biểu ý kiến nào đó của mình về bất kì một vấn đề nào đấy mà chúng ta nhìn thấy ở trong đời sống, ngay cả trong phạm vi gia đình nữa, hay là trong một lớp học, hay là ngoài xã hội trong một không gian, một tập thể lớn hơn. Em hãy vận dụng kĩ năng vốn có để

Em hãy chuẩn bị một số những cụm từ thông dụng để giúp mình dễ dàng bày tỏ ý kiến trước tập thể hay đám đông nhé!

**Ví dụ:** Theo ý kiến của tôi…

Trong 3 phút, em hãy đưa ra những cụm từ tương tự.

**B2: Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**

- Hs quan sách giáo khoa tìm câu trả lời.

**B3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:** - Hs trình bày sản phẩm cá nhân

**B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, kết nối vào bài học:**

- Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

- GV kết nối: Thông qua những trải nghiệm như vậy , cô tin chắc rằng ở chương trình lớp 7 ở trong những bài “ Nói và nghe” chúng ta đã có nền tảng về kĩ năng nói và nghe tốt. Trong những buổi học ngày hôm nay trong ch trình lớp 7, hi vọng rằng chúng ta sẽ được mở rộng thêm về những chủ đề mới mẻ hơn, rèn luyện cho mình kĩ năng nói tốt hơn. Ngày hôm nay các em sẽ bước vào bài nói đầu tiên của bài số 1

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

**1, Định hướng**

a) Mục tiêu: học sinh nắm được mộ số định hướng.

b) Nội dung hoạt động: Gv tổ chức cho học sinh trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời của học sinh

d) Tổ chức thực hiện:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | | **Nội dung cần đạt** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ:** - GV nêu yêu cầu  **?** Trình bày ý kiến về một vấn đề trong đời sống nghĩa là gì?  ? Hãy chỉ ra một vài những vấn đề trong đời sống mẹ em và bạn bè đang quan tâm?  Vấn đề được trong đời sống hằng ngày:  + Làm sao để tình trạng tắc đường không gia tăng?  + Làm thế nào để học sinh ham đọc sách?  + Tình cảm và giáo dục trong gia đình có vai trò quan trọng như thế nào?  Vấn đề từ các tác phẩm văn học:  + Suy nghĩ về lòng yêu nước sau khi đọc các văn bản: “Người đàn ông cô độc giữa rừng”( Đoàn Giỏi), “Dọc đường xứ Nghệ”( Sơn Tùng), Buổi học cuối cùng ( An- Phông- xơ đô - đê)  + Suy nghĩ về đức tính khoan dung sau khi đọc văn bản “Bài học đường đời đầu tiên” ( Tô Hoài)   * Hs tiếp nhận nhiệm vụ.   **B2: Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**  - Hs quan sách giáo khoa tìm câu trả lời.  **B3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**  - Hs trình bày sản phẩm cá nhân. Gv quan sát lắng nghe  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.**  - Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức. | | **1, Định hướng** |
| **2, Thực hành**  a) Mục tiêu: học sinh thực hành .  b) Nội dung hoạt động: Gv tổ chức cho học sinh trả lời câu hỏi.  c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời của học sinh  d) Tổ chức thực hiện: | | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1:** Các bước thực hành     * Hs tiếp nhận nhiệm vụ.   **B2: Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**  - Hs quan sách giáo khoa tìm câu trả lời.  **B3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**  - Hs trình bày sản phẩm cá nhân. Gv quan sát lắng nghe  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.**  - Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức. | **2, Thực hành**  **Đề :** Các văn bản “Người đàn ông cô độc giữa rừng” (Đoàn Giỏi), “Dọc đường xứ Nghệ” (Sơn Tùng), Buổi học cuối cùng ( An- Phông- xơ đô - đê) …. đều nói đến biểu hiện của lòng yêu nước. Ý kiến của em như thế nào?  **Bước 1: Chuẩn bị.**  + Xem lại các nội dung các văn bản đã học.  + Xác định trọng tâm bài nói: biểu hiện phong phú của lòng yêu nước trong các văn bản.  + Dự kiến các phương tiện hỗ trợ. | |
| **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2:** Tìm ý( cách thức đặt câu hỏi- tìm kiếm câu trả lời)   |  |  | | --- | --- | | 1, Thế nào là lòng yêu nước? |  | | 2, Biểu hiện cụ thể của lòng yêu nước trong mỗi văn bản? |  | | 3, Tại sao đó lại là những biểu hiện của lòng yêu nước? |  | | **Bước 2: Tìm ý và lập dàn ý:** | |
| |  |  | | --- | --- | | 1, Thế nào là lòng yêu nước? | + Đó là tình cảm giản dị, gần gũi mà thiêng liêng, là tình yêu thương, gắn bó và tự hào về nơi chôn rau cắt rốn của mình, nuôi dưỡng mình lớn lên, trưởng thành.  + Hơn thế nữa là sự cố gắng và nỗ lực đóng góp sức mình để xây dựng và bảo vệ Tổ Quốc.... | | 2, Biểu hiện cụ thể của lòng yêu nước trong mỗi văn bản? | + Người đàn ông cô độc giữa rừng: An yêu mến những vẻ đẹp thiên nhiên xứ sở miền Tây, ông Hai rắn và chú Võ Tòng kiên cường, dũng cảm chiến đấu chống lại kẻ thù.  + Buổi học cuối cùng: Phrăng yêu tiếng mẹ đẻ, đau khổ khi không còn được học Pháp văn nữa; thầy Ha-men ca ngợi tiếng Pháp là chìa khóa chốn lao tù.  + Dọc đường xứ Nghệ: cậu bé Côn và cha luôn trân trọng những câu chuyện lịch sử, thể hiện lòng tự hào và yêu mến nguồn cội của dân tộc, những anh hùng trong lịch sử. | | 3, Tại sao đó lại là những biểu hiện của lòng yêu nước? | + Ở các nhân vật ấy, tình yêu nước đều xuất phát từ trái tim chân thành, tha thiết.  + Trong từng hành động, cảm xúc, lời nói hay suy nghĩ, họ đều gắn chặt trách nhiệm của mình với quê hương, đất nước; họ coi mình là một phần của đất nước, cần phải bảo vệ và giữ gìn độc lập hay bản sắc, nét đẹp của dân tộc mình.  + Nếu không có tình yêu quê hương đất nước:  Chú Võ Tòng sẽ không mạo hiểm chế vũ khí để bắn giặc Pháp.  An sẽ không thấy được vẻ đẹp quê mình.  Phrăng và thầy Ha- men sẽ không nuối tiếc và đau khổ đi học tiếng Pháp. | | | |
| **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3: Lập dàn ý:**   |  |  | | --- | --- | | **Mở bài** |  | | **Thân bài** |  | | **Kết bài** |  | | |  |
| |  |  | | --- | --- | | **Mở bài** | **Vấn đề cần trình bày:**  + Danh ngôn về lòng yêu nước.  + Câu hỏi về vai trò của tinh thần yêu nước/ biểu hiện của lòng yêu nước.  + Khẳng định tình cảm thiêng liêng ấy trải dài trên những trang văn, đặc biệt qua 3 văn bản “Người đàn ông cô độc giữa rừng”( Đoàn Giỏi), “Dọc đường xứ Nghệ”( Sơn Tùng), Buổi học cuối cùng ( An- Phông- xơ đô - đê) …trên nhiều phương diện khác nhau. | | **Thân bài** | **Giải thích vấn đề: lòng yêu nước là…**  + Biểu hiện của lòng yêu nước thể hiện cụ thể ở mỗi văn bản: xem phiếu tìm ý.  + Đưa ra lý lẽ, lập luận giải thích vì sao những biểu hiện đó được coi là lòng yêu nước: xem phiếu tìm ý. | | **Kết bài** | **Khẳng định lại vấn đề và liên hệ** với cuộc sống hiện nay.  Em cần nhận thức và hành động thế nào về vấn đề này. | | | |
| **Gợi ý: Chuẩn bị trước ở nhà:**  **-** Có thể nói trước gương để giữa mạch ý ổn định và hiểu rõ nội dung của bài nói..  - Hiểu rõ tinh thần của bài nói để khỏi bị run trước mọi người.  Yêu cầu đối với người nói và người nghe?  **Yêu cầu đối với người nói:**  + **Nêu ý kiến** của mình trước nhóm hoặc lớp.  + **Trình bày bằng lời**, tránh viết thành văn dễ đọc sử dụng điệu bộ, cử chỉ và các phương tiện hỗ trợ phù hợp thực hiện đúng thời gian dự kiến.  + Chú ý điều chỉnh giọng điệu **cách trình bày hãy quan sát thái độ, lắng nghe ý kiến** phản hồi của người nghe.  + **Có thể trả lời câu hỏi** của người nghe sau khi trình bày xong hoặc kết hợp trả lời từng phần trong khi trình bày.  **Yêu cầu đối với người nghe:**  + **Tập trung** theo dõi và nắm được thông tin từ người nói; **ghi chép** các ý chính và các điểm chưa rõ cần hỏi lại.  + Sử dụng cử chỉ nét mặt, ánh mắt để **khích lệ** người nói.  + **Nêu câu hỏi** về những vấn đề chưa rõ hoặc muốn mở rộng hiểu biết; **trao đổi** lại các chi tiết, nội dung mà em thấy chưa thuyết phục. | | **Bước 3: Thực hành Nói và nghe** |
| Với người nghe: em thích nhất điều gì trong phần trình bày của bạn? Nếu muốn thay đổi, em muốn thay đổi điều gì trong phần trình bày của bạn?  Người nói: Em tâm đắc nhất điều gì trong phần trình bày của mình? Em muốn trao đổi, bảo lưu hay tiếp thu những góp ý của các bạn và thầy cô? Nếu được trình bày lại, em muốn thay đổi điều gì? | |  |
| **Phiều học tập 4A: Phiếu đánh giá theo tiêu chí của người nói**   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | **Tiêu chí** | **Mức độ** | | | | | **Chưa đạt** | **Đạt** | **Tốt** | | | **1, Nêu ý kiến** | Chưa nêu được ý kiến. | Đưa ra được ý kiến nhưng chưa rõ ràng. | Thể hiện quan điểm rõ ràng. | | **2, Lập luận** | Không có lý có lý lẽ hợp lý, dẫn chứng chưa phong phú. | Rõ ràng, dẫn chứng phù hợp, thuyết phục. | Có sự kết nối giữa các lý lẽ, dẫn chứng; có lời nhận xét, bình luận thuyết phục. | | **3, Nói to, rõ ràng, truyền cảm** | Nói nhỏ, khó nghe., nói lắp, ngập ngừng. | Giọng điệu tương đối phù hợp với đề bài, nói to nhưng đôi chỗ lập lại hoặc ngập ngưng một vài câu. | Giọng điệu phù hợp với đề bài, nói to, hầu như không lập lại hoặc ngập ngừng. | | **4, Sử dụng yếu tố phi ngôn ngữ phù hợp.** | Điệu bộ thiếu tự tin... nét mặt chưa biểu cảm hoặc biểu cảm không phù hợp. | Điệu bộ tự tin, nét mặt biểu cảm phù hợp với nội dung câu chuyện. | Điệu bộ rất tự tin, mắt nhìn vào người nghe, nét mặt sinh động. | | **5, Mở đầu và kết thúc hợp lí.** | Không mở đầu và kết thúc bài nói. | Có chào hỏ/ và có lời kết thúc bài nói. | Chào hỏi / và kết thúc bài nói một cách tự nhiên lôi cuốn. | | | |
| **Phiều học tập 4B: Phiếu đánh giá theo tiêu chí của người nghe**   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **Tiêu chí** | **Mức độ** | | | | **Chưa đạt** | **Đạt** | **Tốt** | | **1, Tập trung lắng nghe** | Chưa tập trung lắng nghe. | Tập trung lắng nghe. | Thể hiện quan điểm rõ ràng. | | **2, Tóm tắt bài nói** | Không tóm tắt được các thông tin của người nói. | Tóm tắt được một số nội dung. | Ghi chép được sơ đồ: ý kiến - lý lẽ - dẫn chứng. | | **3, Trao đổi với người nói.** | Không trao đổi được các thông tin với người nói hoặc có cả thái độ chưa đúng mực. | Trao đổi được các thông tin với người nói nhưng chưa đầy đủ. | Mạnh dạn trao đổi được các thông tin với người nói về các tiêu chí trong bảng kiểm 4A thái độ cầu thị và lịch sự | | | |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

a) Mục tiêu: Học sinh vận dụng kiến thức đã học vào giải bài tập

b) Nội dung hoạt động: Trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm học tập: - Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập.

d) Tổ chức thực hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV nêu yêu cầu  ?Theo em, khi viết bài tìm ý và lí lẽ như thế nào?  - Hs thực hiện nhiệm vụ  **B2:** **thực hiện nhiệm vụ:**  - Hs quan sát sách giáo khoa tìm câu trả lời.  **B3: Báo cáo kết quả** - Hs trình bày sản phẩm cá nhân  - Gv quan sát, lắng nghe.  **B4:** **Đánh giá kết quả .**  - Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  - Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức. | **II, LUYỆN TẬP**  Vai trò gia đình trong cuộc sống mỗi chúng ta.  **Tìm ý:**  Gia đình là gì?  Vai trò của gia đình là gì?  Dẫn chứng nào thì hiện điều đó?  Bài học em rút ra là gì?  **Lí lẽ:**  + Là chiếc nôi nuôi dưỡng và hình thành nhân cách?  + Là điểm tựa tinh thần, là bến đỗ bình yên của ta?  + Là động lực để ta nỗ lực sống tốt mỗi ngày? |

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

a) Mục tiêu: Giúp HS khắc sâu kiến thức đã học.

b) Nội dung: HS vận dụng kiến thức đã học để làm bài tập.

c) Sản phẩm học tập: sơ đồ tư duy bài học

d) Tổ chức thực hiện:

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

1/Em hãy vẽ sơ đồ tư duy bài học.

2/ Đọc kĩ văn bản Mẹ của bài 2 và trả lời câu hỏi vào VBT

- Hs Tiếp nhận nhiệm vụ:

**B2: thực hiện nhiệm vụ:**

- HS nhớ lại kiến thức toàn bài và quan sát sách giáo khoa để thực hiện nhiệm vụ 1 trên lớp nếu còn thời gian. Nhiệm vụ 2 về nhà làm

**B3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**

- Hs trình bày sản phẩm cá nhân. - Gv quan sát, lắng nghe.

**B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.**

- Gv gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn..

- Gv nhận xét, chốt và đánh giá ý thức học tập, soạn bài của HS